

Số: 0432/POS-HCNS

Vũng Tàu, ngày 27 tháng 3 năm 2025

## CÔNG BỐ THÔNG TIN BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC

Mã chứng khoán: POS

Trụ sở chính: Cảng Hạ lưu PTSC, số 65A, đường 30/4, phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu

Điện thoại: 0254 – 3515758

Fax : 0254 – 3515759

Người thực hiện công bố thông tin: ông Tiến Đức Cường

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC công bố Báo cáo thường niên năm 2024.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 27/03/2025 tại đường dẫn: [www.pos.ptsc.com.vn](http://www.pos.ptsc.com.vn) .

Chúng tôi xin cam kết các thông tin trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng./.

### Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (để b/cáo);
- Website [www.pos.ptsc.com.vn](http://www.pos.ptsc.com.vn)
- Lưu: VT, Thư ký HĐQT.

Người được ủy quyền công bố thông tin



Tiến Đức Cường

Trưởng Phòng Hành chính Nhân sự

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH VÀ  
BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**NĂM BÁO CÁO: 2024**

## MỤC LỤC

I. Thông tin chung .....	3
1. Thông tin khái quát .....	3
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	4
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý .....	5
4. Định hướng phát triển .....	5
5. Các rủi ro.....	6
II. Tình hình hoạt động trong năm.....	6
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	7
2. Tổ chức và nhân sự .....	7
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án .....	18
4. Tình hình tài chính .....	19
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu .....	19
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty .....	20
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc .....	22
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh .....	22
2. Tình hình tài chính .....	23
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	23
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai .....	23
5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán. ....	24
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường.....	24
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty .....	24
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	24
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty .....	25
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	25
V. Quản trị công ty .....	26
1. Hội đồng quản trị .....	26
2. Ban kiểm soát.....	27
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát.....	29
VI. Báo cáo tài chính.....	29
1. Ý kiến kiểm toán.....	29
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.....	29

## I. Thông tin chung

### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3500818790 (Đăng ký lần đầu ngày 05/10/2007 và đăng ký thay đổi lần 10 ngày 04/07/2024) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.
- Vốn điều lệ: 400.000.000.000 VNĐ (Bốn trăm tỷ đồng Việt Nam).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 768.789.602.705 VNĐ.
- Địa chỉ: Cảng Hạ lưu PTSC, số 65A đường 30/4, Phường Thắng Nhất, TP. Vũng Tàu.
- Số điện thoại: 0254.3515758.
- Số fax: 0254.3515759.
- Website: [www.pos.ptsc.com.vn](http://www.pos.ptsc.com.vn)
- Mã cổ phiếu: POS (giao dịch sàn UPCOM)
- Quá trình hình thành và phát triển:
  - + Ngày 28/9/2007, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí đã ban hành quyết định số 253/QĐ-DVKT-HĐQT về việc thành lập mới Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC, tên giao dịch tiếng Anh là PTSC Offshore Services Company Limited (POS Co., Ltd), với các chức năng và nhiệm vụ được tách ra từ Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Khai thác Dầu khí, nhằm mục đích tập trung phát triển mạnh và chuyên nghiệp hóa trong việc cung cấp các loại hình Dịch vụ Kỹ thuật dầu khí của Tổng Công ty PTSC cho các Công ty Dầu khí trong và ngoài nước.
  - + Ngày 01/01/2011, thực hiện chủ trương tái cơ cấu của Tổng Công ty PTSC, Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC chính thức chuyển đổi và hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần và đổi tên thành Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC (Công ty POS).
  - + Ngày 16/5/2013, UBCKNN đã ban hành công văn số 1951/UBCK-QLPH về việc chấp thuận hồ sơ công ty đại chúng của Công ty POS.
  - + Năm 2016, Công ty hoàn thành việc đăng ký cổ phiếu Công ty POS vào giao dịch trên thị trường Upcom – Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Ngày 21/11/2016, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã có công văn số 1210/TB-SGDHN về việc Thông báo ngày giao dịch đầu tiên cổ phiếu đăng ký giao dịch của CTCP Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC.
- Các sự kiện khác:
  - + Năm 2009 đưa vào sử dụng Xưởng CKBD của POS với diện tích 11.462 m<sup>2</sup>, tổng vốn đầu tư hơn 47 tỷ VNĐ với các trang thiết bị, máy móc hiện đại, có thể sửa chữa, bảo dưỡng và cung cấp các dịch vụ hoán cải, nâng cấp, chế tạo các cấu kiện có kết cấu lên đến 500 tấn.
  - + Năm 2010 Công ty POS tiếp nhận Sà lan 300 chỗ ở PTSC Offshore 1 (POS1). POS1





là sà lan không tự hành hiện đại được đóng mới và hạ thủy cuối năm 2009 với tổng giá trị 556,82 tỷ VNĐ. Sà lan có chiều dài 111,56m, chiều rộng 31,70 m, chiều cao mạn 7,31m, mớn nước 4,50 m, trọng tải 9.582 tấn, được trang bị một cầu lớn với sức nâng 300 tấn.

- + Năm 2010 Công ty POS tiếp nhận Sà lan vận chuyển 5.000 tấn PTSC 01, với tổng giá trị 82,94 tỷ VNĐ có thể vận chuyển các giàn WHP, chân đế, các cấu kiện phục vụ các công việc xây lắp, sửa chữa, bảo dưỡng, hoán cải ngoài khơi.
- + Năm 2023 hoàn thành Nhà xưởng POS2 với tổng diện tích 17.000m<sup>2</sup>, tổng giá trị 28,22 tỷ VNĐ, với hệ thống 2 nhà xưởng kín mỗi xưởng 16x120m, có cầu trục 10T tấn phục vụ chế tạo và sơn chống ăn mòn. Bãi chế tạo ngoài trời diện tích khoảng 50x150m với 2 cầu trục tải trọng 32T sẽ là nơi tổ hợp chế tạo các kết cấu và modul có khối lượng lên đến 800-1000T. Ngoài ra khu vực này có thể chế tạo hệ thống cọc cho các dự án dầu khí và năng lượng tái tạo.
- + Năm 2024 hoàn thành đầu tư hệ thống lặn Air Diving với tổng giá trị 38,40 tỷ VNĐ, nâng cao năng lực cho mảng dịch vụ Xây lắp hàng hải. Hệ thống Air Diving của POS đáp ứng tiêu chuẩn của tổ chức IMCA, đăng kiểm quốc tế ABS và đủ khả năng phục vụ các công tác như UWILD FSO/FPSO, công tác hỗ trợ lặn bão hòa SAT Diving, công tác hỗ trợ cắt hủy chân đế giàn khai thác.

## **2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

- Ngành nghề kinh doanh theo Giấy đăng ký kinh doanh:
  - + Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết:  
Xây dựng các công trình công nghiệp dầu khí; Xây dựng công trình công nghiệp – năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời, thủy triều).
  - + Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết:  
Chuẩn bị mặt bằng, thi công san lấp mặt bằng.
  - + Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên. Chi tiết:  
Dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, đấu nối chạy thử các công trình dầu khí; Dịch vụ di dời và thu dọn mỏ sau khi kết thúc chu kỳ khai thác ngoài biển; Dịch vụ vận hành và bảo dưỡng cho các công trình dầu khí; Dịch vụ đo lường, điều khiển cho các công trình dầu khí, các ngành công nghiệp khác và dân dụng; Quản lý, vận hành, khai thác và kinh doanh các dịch vụ cung cấp sà lan nhà ở và các phương tiện nổi.
  - + Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết:  
Cho thuê lại lao động (Dịch vụ cung ứng nhân lực cho các công tác lắp đặt và đấu nối chạy thử, hỗ trợ vận hành và bảo dưỡng).
  - + Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết:  
Dịch vụ kho ngoại quan phục vụ cho công tác vận hành, bảo dưỡng, lắp đặt và đấu nối chạy thử.
  - + Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết:  
Mua bán vật tư phụ tùng; Kinh doanh trang thiết bị an toàn phòng cháy, chữa cháy, hệ thống báo cháy, cứu hỏa phục vụ cho công nghiệp dầu khí, các ngành công nghiệp khác và dân dụng.



- + Sửa chữa thiết bị khác. Chi tiết:  
Dịch vụ sửa chữa máy móc, thiết bị; sửa chữa trang thiết bị an toàn phòng cháy, chữa cháy, hệ thống báo cháy, cứu hỏa phục vụ cho công nghiệp dầu khí, các ngành công nghiệp khác và dân dụng.
- + Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết:  
Lắp đặt, bảo trì trang thiết bị an toàn phòng cháy, chữa cháy, hệ thống báo cháy, cứu hỏa phục vụ cho công nghiệp dầu khí, các ngành công nghiệp khác và dân dụng.
- + Xây dựng công trình điện.
- + Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết:  
Kinh doanh dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường. Dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa.
- + Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Chi tiết:  
Dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, đấu nối chạy thử các công trình công nghiệp – năng lượng tái tạo.
- + Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại.
- + Sản xuất các cấu kiện kim loại
- + Sản xuất các cấu kiện kim loại, thùng, bể chứa và nồi hơi
- + Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu. Chi tiết:  
Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu.
- Địa bàn kinh doanh: Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

### **3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

- Mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc.
- Cơ cấu bộ máy quản lý như Phụ lục Sơ đồ Tổ chức Công ty đính kèm.

### **4. Định hướng phát triển**

- Mục tiêu hoạt động chủ yếu của Công ty:
  - + Thu lợi nhuận, vì lợi ích của cổ đông;
  - + Phát triển Công ty lớn mạnh, bền vững;
  - + Đóng góp cho ngân sách Nhà nước;
  - + Tham gia đóng góp xây dựng và phát triển cộng đồng, xã hội, bảo vệ môi trường.
- Mục tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025: Phần đầu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu chủ yếu sau:
  - + Doanh thu: 2.500 tỷ VNĐ
  - + Lợi nhuận trước thuế: 128 tỷ VNĐ
  - + Nộp Ngân sách nhà nước: 57,60 tỷ VNĐ
- Chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh đến năm 2025, định hướng đến 2035:
  - + **Dịch vụ xây lắp hàng hải, xây lắp công nghiệp:** Khai thác tối đa mọi nguồn lực có sẵn duy trì thực hiện tốt các dự án vận chuyển, lắp đặt, đấu nối chạy thử các công trình dầu khí ngoài biển cũng như trên đất liền; hợp tác với các nhà thầu nước ngoài để thực hiện các dự án lắp đặt công trình dầu khí và công trình công nghiệp, công



trình ngầm; đầu tư nâng cao năng lực phương tiện thiết bị, chuẩn bị tốt các điều kiện về nhân lực và năng lực quản lý của Công ty để tiến tới tự đảm nhận thực hiện trọn gói các dự án lắp đặt, đấu nối chạy thử, hoán cải, thu dọn mỏ cho các công trình dầu khí trên biển và đất liền. Giữ vững thị trường trong nước và phát triển mạnh mẽ các dịch vụ cốt lõi của Công ty ra thị trường nước ngoài, cụ thể là các nước trong khu vực Châu Á (Đông Nam Á, Trung Đông, Ấn Độ,..) và các nước khác trên thế giới.

- + **Dịch vụ O&M:** Phát triển bền vững, đứng đầu dịch vụ vận hành và bảo dưỡng cho các công trình dầu khí và công nghiệp ngoài biển và trên đất liền, đủ năng lực cạnh tranh với các nhà thầu trên thế giới; tăng cường hợp tác với các đơn vị trong và ngoài nước mở rộng thị phần dịch vụ đặc biệt chú trọng đến các công trình dầu khí trên đất liền như: nhà máy chế biến khí, nhà máy điện, nhà máy lọc dầu, nhà máy đạm, hóa chất tại Việt Nam.
- + **Dịch vụ mới:** Nghiên cứu, nắm bắt, xây dựng, phát triển những loại hình dịch vụ đặc thù có mối liên hệ mật thiết với các loại hình dịch vụ chính và chiếm tỷ trọng cao về doanh thu, lợi nhuận của Công ty trong tương lai như: tháo dỡ, di dời, hoán cải các công trình dầu khí, dịch vụ xây lắp các công trình năng lượng sạch (điện, điện gió,...).
- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:
  - + Tiếp tục triển khai và duy trì hiệu quả hệ thống quản lý của Công ty phù hợp với các tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 45001:2018, ISO/IEC 17025:2017, hệ thống quản lý an toàn cho sà lan nhà ở theo Bộ luật ISM, hệ thống an ninh theo bộ luật ISPS, chứng nhận hệ thống theo Công ước lao động hàng hải MLC 2006 cho sà lan nhà ở PTSC Offshore 1, chứng nhận đáp ứng yêu cầu Tiêu chuẩn ASME về quản lý, thiết kế, chế tạo, kiểm tra lò hơi, bình, bồn chịu áp lực. Trong năm 2024 Công ty đã xây dựng, triển khai thành công giai đoạn đầu Hệ thống quản lý Quản trị rủi ro và Hệ thống quản lý An toàn thông tin theo Tiêu chuẩn ISO 27001, đạt 100% mục tiêu đề ra.
  - + Không để xảy ra sự cố cháy nổ, tai nạn mất thời gian làm việc (LTI), sự cố gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường, sức khỏe người lao động, đảm bảo không có trường hợp nào mắc bệnh nghề nghiệp và chỉ tiêu môi trường vượt quá tiêu chuẩn Việt Nam.
  - + Thực hiện tốt công tác tiền lương và các chế độ khác: tiền thưởng, phúc lợi xã hội: công tác mua BHXH, BHYT, BHTN, BHCN... và các chế độ chính sách theo các qui định hiện hành của pháp luật Nhà nước, Tổng công ty và Công ty nhằm đảm bảo an sinh xã hội, quyền lợi cho người lao động trong quá trình làm việc tại Công ty.
  - + Tiếp tục hưởng ứng, phát huy các công tác đoàn thể, hoạt động an sinh xã hội, tri ân, đền ơn đáp nghĩa,...

## 5. Các rủi ro

- Năm 2025 dự kiến tiếp tục sẽ là một năm mà công ty POS sẽ phải đối mặt với nhiều khó khăn thách thức về mặt sản xuất kinh doanh, với ảnh hưởng của giá dầu biến động khó lường, cũng như những diễn biến chính trị bất ổn, phức tạp trên Thế giới gần đây.
- Công tác phát triển dịch vụ Dầu khí tại thị trường nước ngoài cũng là một thách thức, khó khăn rất lớn đối với Công ty POS như: Các chính sách bảo hộ của nước chủ nhà, công tác hậu cần, các vấn đề về chế độ chính sách khi đưa người lao động làm việc tại nước ngoài...

- Các thiết bị, phương tiện phục vụ xây lắp công trình biển vẫn còn thiếu ảnh hưởng không nhỏ đến khả năng cạnh tranh của Công ty POS.
- Nguồn nhân lực về quản lý, kỹ thuật liên quan đến công tác SXKD đôi khi còn thiếu, chưa thực sự đáp ứng được hoàn toàn yêu cầu của công việc.

## **II. Tình hình hoạt động trong năm**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

- Năm 2024 Công ty POS đạt tổng doanh thu là 2.168,34 tỷ VNĐ, Lợi nhuận trước thuế đạt 108,68 tỷ VNĐ, cụ thể như sau:

#### **1.1. Dịch vụ Xây lắp hàng hải**

Doanh thu từ dịch vụ xây lắp hàng hải năm 2024 là 1.402,62 tỷ đồng chiếm 66,48% tổng doanh thu của Công ty (2.168,34 tỷ VNĐ). Kết quả thực hiện các dự án như sau:

- **Các dự án hoàn thành trong năm 2024:** Bao gồm 07 dự án, cụ thể như sau:

<b>STT</b>	<b>Tên dự án</b>
1	Dự án Gallaf 3 CPP - EPCI06 phase A1
2	Dự án Gallaf 3 CPP - EPCI06 phase A2
3	Dự án Gallaf 3 CPP - EPCI06 phase B1
4	Dự Án cung cấp nhân sự và tàu cho Shwe 3 Campaign 2
5	Hoán cải G-location cho Gallaf 3
6	Tháo tách phao Calm ở giàn Đại Hùng
7	Giải tỏa FPSO MV19

- **Các dự án chuyển tiếp từ năm 2024 và dự án mới thực hiện trong năm 2025:** Bao gồm 08 dự án, cụ thể như sau:

<b>STT</b>	<b>Tên dự án</b>
1	Dự án CRPO-125 & CRPO-126
2	Dự án Vietnam Block B Gas Project - Package 1 (HUC for WHP/HUB and infield Pipeline)
3	Dự án EPCI đường ống Lạc Đà Vàng
4	Dự án Hủy giàn và giếng ở mỏ Sông Đốc

STT	Tên dự án
5	Dự án Gallaf 3 CPP - EPCI06 phase B2
6	HUC và BF cho Ruya 12
7	Constructability & Brownfeild study PS3 của Qatar Energy
8	Constructability & Brownfeild study OFP2 Ntokon của Doris/Total Energies

### 1.2. Dịch vụ Xây lắp công nghiệp

- Doanh thu từ dịch vụ xây lắp công nghiệp năm 2024 là 255,21 tỷ đồng chiếm 12,10% tổng doanh thu của công ty (2.168,34 tỷ VNĐ). Kết quả thực hiện các dự án như sau:
- **Các dự án hoàn thành trong năm 2024:** Bao gồm 02 dự án, cụ thể như sau:

STT	Tên dự án
1	Chế tạo Mooring Spacers và cấu kiện sea fastening cho chuỗi dự án điện gió Hải Long
2	Chế tạo bình áp lực Filter F-02B cho PVGas

- **Các dự án chuyển tiếp từ năm 2024 và dự án mới thực hiện trong năm 2025:** Bao gồm 01 dự án, cụ thể như sau:

STT	Tên dự án
1	Dự án điện gió CHW 2204 - Integration Work
2	LDV FSO Turret Mooring System
3	Dự án Onshore Fabrication cho RUYA
4	Dự án Thi công đường ống dẫn khí Lô B – Ô Môn (phần bờ)

### 1.3. Dịch vụ O&M

- Doanh thu từ dịch vụ này năm 2024 là 452,12 tỷ VNĐ, chiếm 21,43% tổng doanh thu của Công ty (2.168,34 tỷ VNĐ). Tình hình thực hiện dịch vụ O&M trong năm 2024 cụ thể như sau:



TT	Tên Dịch vụ O&M	Nội dung thực hiện
1	Các Hợp đồng bảo dưỡng	POS đã ký kết thành công Hợp đồng bảo dưỡng cho nhà máy lọc dầu Long Sơn, hiện đang triển khai cung cấp dịch vụ, và đang đàm phán với LSP ký Hợp đồng Đơn giá (Unit rates) cung cấp dịch vụ hoán cải chế tạo kết cấu, sơn, cách nhiệt, HPWJ..... phục vụ công tác hoán cải sửa chữa cho tất cả các nhà máy của LSP. Đã đàm phán xong Hợp đồng với Sam Sung Engineering (SECL) để cung cấp dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa cho SECL trong thời gian bảo hành gói B/C. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt dịch vụ O&M đáp ứng yêu cầu của các khách hàng như BDPOC, CLJOC, PVEP POC, TLJOC ....
2	Hợp đồng cung cấp nhân lực dài hạn	Cung cấp nhân lực theo HĐ dài hạn cho các khách hàng JVPC (77 nhân sự O&M trực tiếp vận hành giàn Rạng Đông); KNOC (54 nhân sự trực tiếp vận hành giàn Rồng Đồi).
3	Hợp đồng cung cấp nhân lực ngắn hạn	Trong năm 2024 Công ty POS đã cung cấp hơn 723.264 manhours tham gia dịch vụ ngắn hạn cho các khách hàng CLJOC, BDPOC, PVEP Block 01 & 02, Harbour Energy, TLJOC ... và cho các dự án XLCT của Công ty.

#### 1.4. Tình hình quản lý, khai thác và sử dụng các phương tiện nổi:

- *Sà lan nhà ở PTSC Offshore 1*: Số ngày làm việc của POS1 trong năm 2024 đạt 284 ngày. POS1 đã hoàn thành các công tác, công việc của các dự án như sau:

TT	Tên dự án POS1 thực hiện	Ngày onhire (Ngày bắt đầu DA)	Ngày offhire (Ngày kết thúc DA)	Số ngày huy động
1	Cho KH Falcon Energy thuê	15/02/2024	09/6/2024	116
2	Cho KH HHA thuê cho dự án CPOC Phase 6	01/7/2024	15/12/2024	168
<b>Tổng số ngày khai thác</b>				<b>284</b>

- *Sà lan vận chuyển PTSC 01*: Số ngày làm việc của PTSC 01 trong năm 2024 đạt 290 ngày. PTSC 01 đã hoàn thành các công tác, công việc của các dự án như sau:

TT	Tên dự án PTSC 01 thực hiện	Ngày onhire (Ngày bắt đầu DA)	Ngày offhire (Ngày kết thúc DA)	Số ngày huy động
1	Cho KH Inter Moor thuê	01/01/2024	05/01/2024	5
2	Cho KH Vallianz thuê phục vụ dự án Gas Gansar tại Malaysia	29/02/2024	6/5/2024	68
3	Cho KH Vallianz thuê phục vụ dự án JDA Block B tại Malaysia	06/5/2024	30/9/2024	147
4	Cho KH Meindo thuê phục vụ dự án AOI ở Indonesia	23/10/2024	31/12/2024	70
<b>Tổng số ngày khai thác</b>				<b>290</b>

### 1.5. Các chỉ tiêu kế hoạch tài chính chủ yếu đạt được

- Một số chỉ tiêu chủ yếu được ghi nhận tại Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán PwC, cụ thể như sau:

**Bảng 1: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu đạt được trong năm 2024**

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Đạt (%)
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	400,00	400,00	100%
+	Vốn điều lệ bình quân năm	Tỷ đồng	400,00	400,00	100%
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	2.050,00	2.168,34	105,77%
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	95,00	108,68	114,40%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	76,00	86,94	114,40%
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ VDL	%	19,00%	21,73%	114,40%

**Bảng 2: Bảng so sánh với năm liền kề**

**Đơn vị: tỷ đồng**

TT	Chỉ tiêu	TH năm 2023	KH năm 2024	TH năm 2024	Tỷ lệ % so với	
					TH năm 2023	KH năm 2024
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(3)	(7)=(5)/(4)
1	Doanh thu	1.754,62	2.050,00	2.168,89	123,61%	105,80%
2	Lợi nhuận trước thuế	68,89	95,00	108,68	157,76%	114,40%
3	Nộp NSNN	64,54	47,00	106,98	165,76%	227,62%
4	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng doanh thu (%)	3,93%	4,63%	5,01%	127,63%	108,13%
5	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn điều lệ (%)	17,22%	23,75%	27,17%	157,76%	114,40%

## 2. Tổ chức và nhân sự

### – Danh sách Ban điều hành

STT	Thành viên Ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm thành viên Ban điều hành
1.	Vũ Đình Cao Sơn	11/03/1984	Kỹ sư máy tàu biển	- Ngày 01/07/2024 bổ nhiệm Giám đốc. - Ngày 15/04/2021 bổ nhiệm Phó Giám đốc.
2.	Dương Hùng Văn	05/07/1975	Kỹ sư xây dựng, Cử nhân quản trị kinh doanh	- Ngày 01/07/2024 miễn nhiệm Giám đốc. - Ngày 19/09/2016 bổ nhiệm lại Giám đốc - Ngày 15/01/2012 bổ nhiệm Giám đốc.
3.	Lê Toàn Thắng	08/09/1968	Thạc sỹ/Kỹ sư máy tàu biển, Kỹ sư kinh tế vận tải biển	- Ngày 26/12/2017 bổ nhiệm lại Phó Giám đốc. - Ngày 10/10/2014 bổ nhiệm lại Phó Giám đốc. - Ngày 10/01/2011 bổ nhiệm Phó Giám đốc.



				- Ngày 01/12/2009 bổ nhiệm Phó Giám đốc.
4.	Nguyễn Văn Dương	03/02/1977	Kỹ sư máy và thiết bị công nghiệp hóa chất dầu khí	- Ngày 14/04/2020 bổ nhiệm Phó Giám đốc.
5.	Hoàng Văn Duy	16/10/1977	Cử nhân kinh tế	- Ngày 15/07/2021 bổ nhiệm.

- Tóm tắt lý lịch Ban điều hành

+ **Ông Vũ Đình Cao Sơn: Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 01/7/2024)**

- ❖ Giới tính: Nam.
- ❖ Ngày sinh: 11/3/1984.
- ❖ Nơi sinh: Hưng Yên.
- ❖ Quê quán: Thái Bình.
- ❖ Quốc tịch: Việt Nam.
- ❖ Dân tộc: Kinh
- ❖ Trình độ văn hóa: 12/12.
- ❖ Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy tàu biển.
- ❖ Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
10/2007-04/2008	Nhân viên Công ty Cảng DVĐK PTSC
04/2008-10/2009	Chuyên viên Ban PTKD&QLDA – Tổng công ty CP DVKT Dầu khí Việt Nam
10/2009-11/2010	Phó Trưởng phòng Dự án Phương tiện nổi – Ban PTKD&QLDA – Tổng công ty CP DVKT Dầu khí Việt Nam
11/2010-11/2014	Trưởng phòng Dự án Phương tiện nổi – Ban PTKD&QLDA – Tổng công ty CP DVKT Dầu khí Việt Nam
11/2014-05/2019	Trưởng phòng Dự án Phương tiện nổi – Ban KTSX – Tổng công ty CP DVKT Dầu khí Việt Nam
05/2019-04/2021	Phó Trưởng Ban – Ban KTSX – Tổng công ty CP DVKT Dầu khí Việt Nam
05/2021- 06/2024	Phó giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC
07/2024 – 13/11/2024	Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC

<b>Thời gian</b>	<b>Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác</b>
14/11/2024 đến nay	Phó Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC.

❖ Số cổ phần hiện đang nắm giữ: 0 cổ phần chiếm 0% tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết.

+ **Ông Dương Hùng Văn: Giám đốc (từ 15/01/2012 đến ngày 30/6/2024)**

❖ Giới tính: Nam.

❖ Ngày sinh: 05/7/1975.

❖ Nơi sinh: Vũng Tàu.

❖ Quê quán: Hà Nội.

❖ Quốc tịch: Việt Nam.

❖ Dân tộc: Kinh.

❖ Trình độ văn hóa: 12/12.

❖ Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng/ Cử nhân quản trị kinh doanh

❖ Quá trình công tác:

<b>Thời gian</b>	<b>Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác</b>
12/1997 – 11/2001	Công tác tại Công ty TNHH Xây dựng số 5 tại Vũng Tàu, chức vụ Giám sát và tổ chức thi công tại công trình xây dựng Nhà máy điện Bà Rịa giai đoạn 1, mở rộng giai đoạn 2 và thi công Nhà máy chế biến bột cá của Singapore tại Long Sơn.
12/2001 – 07/2002	Làm việc cho Công ty Sam Sung trong Dự án xây dựng Nhà máy đạm Phú Mỹ với nhiệm vụ Giám sát chất lượng công trình
08/2002 – 11/2003	Công tác tại Xí nghiệp Dịch vụ Cơ khí hàng hải trực thuộc PTSC với chức vụ Phó Giám đốc thi công Dự án Nam Côn Sơn Cảng Thị Vải, huyện Tân Thành.
12/2003 – 07/2004	Tổ trưởng Tổ Xây dựng và trang trí thuộc Phòng Kỹ thuật sản xuất Xí nghiệp Dịch vụ Cơ khí hàng hải.
08/2004 – 06/2005	Tham gia Dự án C-CCPP với vai trò giám sát thi công và điều phối các hoạt động tại công trường.
06/2005 – 02/2008	Công tác tại Công ty Dịch vụ Cơ khí hàng hải, lần lượt giữ các chức vụ: Tổ trưởng tổ xây dựng, trang trí; Phó phòng kỹ thuật, Giám đốc Dự án 5B xây dựng cảng xuất nhập sản phẩm tại KKT Dung Quất; Phó Giám đốc Công ty.
15/02/2008 – 12/2011	Giám đốc Công ty TNHH MTV/Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi/ Bí thư Chi bộ Công ty (04/2009)
15/01/2012 – 05/2022	Bí thư Đảng ủy/Thành viên Hội đồng quản trị/Giám đốc Công ty POS.

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
06/2022 – 06/2024	Phó Bí thư Đảng ủy/Thành viên Hội đồng quản trị/Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và bảo dưỡng công trình Dầu khí biển PTSC
01/07/2024 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và bảo dưỡng công trình Dầu khí biển PTSC/ Giám đốc Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Dầu Khí Sao Mai – Bến Đình

❖ Số cổ phần hiện đang nắm giữ: 12.000.000 cổ phần (Trong đó Đại diện chủ sở hữu tại POS: 12.000.000 cổ phần) chiếm 30% tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết.

+ **Ông Lê Toàn Thắng: Phó Giám đốc**

- ❖ Giới tính: Nam.
- ❖ Ngày sinh: 08/09/1968.
- ❖ Nơi sinh: Thái Bình.
- ❖ Quê quán: Thái Bình.
- ❖ Quốc tịch: Việt Nam.
- ❖ Dân tộc: Kinh.
- ❖ Trình độ văn hóa: 12/12.
- ❖ Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ/Kỹ sư máy tàu biển/ Kỹ sư kinh tế vận tải biển.
- ❖ Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
01/1992 - 04/1993	Nhân viên Marketing - Công ty dầu mỡ nhờn Việt Nam (VIDAMO) trực thuộc PetroVietnam.
07/1993 - 09/1994	Nhân viên trực thông tin đàn khoan Hakuryu 3, Hakuryu 5, Energer Seacher và Juncumming Ham. Trong thời gian này có 03 tháng làm phiên dịch trên tàu bảo vệ địa chấn GPTS 102.
10/1994 - 04/1995	Nhân viên phòng Thương mại hợp đồng - Xí nghiệp tàu dịch vụ Dầu khí PTSC Marine.
05/1995 - 07/1995	Nhân viên thanh toán đối ngoại - phòng Tài chính kế toán Xí nghiệp tàu dịch vụ Dầu khí PTSC Marine.
08/1995 - 07/1996	Chuyên viên giám sát hậu cần (Logistic Supervisor) - Công ty Dầu khí MJC (Mobile & Japan J/v) tại Việt Nam.



Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
08/1996 - 11/2001	Chuyên viên/Tổ trưởng Tổ quản lý nguồn nhân lực (HRM) - Xí nghiệp tàu dịch vụ Dầu khí PTSC Marine.
11/2001 - 04/2004	Trưởng phòng Hành chính Nhân sự & Đào tạo - Ban QLDA cụm Khí Điện Đạm Cà Mau.
05/2004 - 04/2006	Phó phòng (đến tháng 4/2005) sau đó Phụ trách phòng Kế hoạch sản xuất - Xí nghiệp Dịch vụ khai thác Dầu khí PTSC.
05/2006 - 09/2007	Trưởng phòng Kế hoạch sản xuất - Xí nghiệp Dịch vụ khai thác Dầu khí PTSC.
10/2007 - 12/2007	Trưởng phòng Quản lý Dự án & Đầu tư Công ty TNHH MTV Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình Dầu khí biển PTSC.
01/12/2009 đến nay	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình Dầu khí biển PTSC.

❖ Số cổ phần hiện đang nắm giữ: 50.000 cổ phần chiếm 0,125% tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết.

+ **Ông Nguyễn Văn Dương: Phó Giám đốc**

- ❖ Giới tính: Nam.
- ❖ Ngày sinh: 03/02/1977.
- ❖ Nơi sinh: Tân Kỳ - Nghệ An.
- ❖ Quê quán: Diễn Châu – Nghệ An.
- ❖ Quốc tịch: Việt Nam.
- ❖ Dân tộc: Kinh
- ❖ Trình độ văn hóa: 12/12
- ❖ Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy thiết bị công nghiệp hóa chất dầu khí.
- ❖ Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
06/2002 - 06/2003	Giám sát thi công – Tổng công ty lắp máy Việt Nam - Lilama
07/2003 - 06/2006	Giám sát kỹ thuật X.CKBD – Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khai thác dầu khí PTSC



<b>Thời gian</b>	<b>Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác</b>
07/2007 - 10/2007	Xưởng phó X.CKBD - Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khai thác dầu khí PTSC
10/2007 - 05/2009	Xưởng phó X.CKBD - Công ty TNHH MTV Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC
06/2009 - 02/2014	Trưởng phòng An toàn Chất lượng - Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC
03/2014 – 04/2020	Trưởng phòng Kỹ thuật - Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC
04/2020 đến nay	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC

❖ Số cổ phần hiện đang nắm giữ: 10.000 cổ phần chiếm 0,025% tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết.

+ **Ông Hoàng Văn Duy: Kế toán trưởng Công ty**

- ❖ Giới tính: Nam.
- ❖ Ngày sinh: 16/10/1977.
- ❖ Nơi sinh: Nam Định.
- ❖ Quê quán: Nam Định.
- ❖ Quốc tịch: Việt Nam.
- ❖ Dân tộc: Kinh.
- ❖ Trình độ văn hóa: 12/12.
- ❖ Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.
- ❖ Quá trình công tác:

<b>Thời gian</b>	<b>Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác</b>
07/2000-05/2001	Nhân viên Kế toán - Công ty CP Điện tử tin học Duy Linh.
05/2001-01/2002	Nhân viên Kế toán – Chi nhánh Công ty CP Vùng đất Kỹ thuật số.
01/2002-09/2002	Kế toán trưởng - Chi nhánh Công ty CP ĐTTH Duy Long.
09/2002-05/2004	Nhân viên Kế toán – XN Dịch vụ Khai thác Dầu khí.
05/2004-05/2006	Kế toán tổng hợp – Phòng TCKT – XN Dịch vụ Khai thác Dầu khí
05/2006-05/2007	Trưởng phòng TCKT – XN Dịch vụ Cơ khí Hàng hải

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
05/2007-08/2021	Kế toán trưởng – Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC
08/2021- đến nay	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC

❖ Số cổ phần hiện đang nắm giữ: 0 cổ phần chiếm 0% tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết.

- Những thay đổi trong Ban điều hành năm 2024: Từ ngày 01/7/2024, ông Vũ Đình Cao Sơn được bổ nhiệm vị trí Giám đốc.
- Số lượng cán bộ, nhân viên, chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:
  - + Số lượng cán bộ, nhân viên: Tính đến 31/12/2024, Tổng CBCNV của Công ty bao gồm 643 người, trong đó trình độ trên Đại học là 30 người, Đại học 435 người, Cao đẳng, Trung cấp, Sơ cấp 80 người, Công nhân kỹ thuật là 92 người, Lao động Phổ thông là 06 người.
  - + Chính sách đối với người lao động:
    - Năm 2024, Ngoài tiền lương trả theo thang bảng lương, Công ty thực hiện việc xây dựng lương dự án trên cơ sở chi phí nhân sự được Ban giám đốc công ty phê duyệt.
    - Thực hiện chỉ đạo và định hướng của Tổng công ty, nhằm tạo động lực và khuyến khích người lao động phát huy tối đa năng lực, Công ty đã xây dựng và áp dụng lương bổ sung không ổn định cho người lao động thuộc nhân sự cốt lõi (core team) từ 01/04/2023.
    - Chế độ phụ cấp lương vẫn được kế thừa bao gồm: phụ cấp ca đêm, phụ cấp biển, phụ cấp không ổn định, phụ cấp an toàn vệ sinh viên, phụ cấp ban chỉ huy quân sự, tiền ăn ca ...
  - + Chế độ bảo hiểm:
    - Công ty đã thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật lao động về việc tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp. Đồng thời đảm bảo toàn thể cán bộ công nhân viên đều được hưởng đầy đủ các chế độ bảo hiểm.
    - Công ty thực hiện mua Chế độ bảo hiểm con người kết hợp, bảo hiểm Medivac, bảo hiểm du lịch theo đúng chủ trương và quy định của Tổng công ty phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.
  - + Chính sách khen thưởng: Được áp dụng nhằm tạo động lực khuyến khích trong hoạt động SXKD, gắn liền với thành tích công việc, hiệu quả sản xuất kinh doanh. Công ty áp dụng các chính sách thưởng như:
    - Thưởng theo thành tích công việc định kỳ hàng tháng, hàng quý (POS Star, Offshore star...).
    - Thưởng sáng kiến cải tiến kỹ thuật (Kaizen, Hazob).
    - Thưởng cá nhân, tập thể tiêu biểu, xuất sắc.



- Thường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ theo năm.
  - Thường hoàn thành dự án.
- + Chế độ chính sách khác: Ngoài việc thực hiện các chính sách lương, thưởng, chế độ bảo hiểm theo qui định pháp luật, Công ty còn áp dụng các chế độ phúc lợi như thoả thuận trong TULĐTT cụ thể như sau:
- Mức trợ cấp không dưới 500.000 đồng cho trường hợp: Con của người lao động sinh trong năm; Con người lao động kết hôn.
  - Mức trợ cấp không dưới 1.000.000 đồng cho trợ cấp: Tết Dương lịch; Tết Âm lịch; Giỗ Tổ Hùng Vương; Ngày Quốc tế lao động; Ngày Quốc khánh; Người lao động kết hôn; Bố, mẹ (bên chồng và bên vợ) chết, vợ hoặc chồng chết, con của người lao động chết.
  - Trợ cấp không dưới 2.000.000 đồng cho người lao động nằm viện phải phẫu thuật hoặc ốm đau phải nghỉ làm việc từ 30 ngày trở lên.
  - Trợ cấp cho người lao động khi về nghỉ hưu/trợ cấp cho gia đình NLD bị chết với mức: Cứ mỗi năm làm việc liên tục trong Tổng công ty PTSC (kể từ 09/2/1993 đến thời điểm nghỉ chế độ) là 01 tháng tiền lương tối thiểu vùng Chính phủ quy định.
  - Trợ cấp cho người lao động nữ những ngày kỷ niệm 8/3; 20/10.
  - Trợ cấp cho người lao động là cựu quân nhân ngày kỷ niệm 22/12.
  - Tổ chức thăm hỏi thân nhân của NLD thuộc gia đình chính sách người có công nhân ngày 27/7 hàng năm.
  - Các ngày lễ và ngày kỷ niệm khác tùy theo điều kiện cụ thể của Công ty trong từng thời kỳ nhất định, Chủ tịch Công đoàn cơ sở đề nghị Giám đốc Công ty xem xét trợ cấp hoặc tặng quà cho từng đối tượng tương ứng với ngày lễ và ngày kỷ niệm khác trong năm.
  - Chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc với chức danh thuộc danh mục nghề do Bộ lao động TBXH ban hành và làm việc trong môi trường độc hại, nguy hiểm.
  - Đối với con của CBCNV Công ty, hàng tháng Công ty hỗ trợ tiền giữ trẻ cho NLD có con từ 6 tháng tuổi đến 6 tuổi mức 100.000 đ/ tháng/ con.
  - Công ty luôn quan tâm đến đời sống tinh thần của người lao động thông qua các hoạt động như: Tham gia Hội thao và các giải thể thao phong trào do Tổng công ty PTSC, đơn vị bạn tổ chức, Duy trì hoạt động các phong trào thể thao như bóng đá, cầu lông, tennis,... Tổ chức các hoạt động vui chơi cho con của CBCNV nhân ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6 và trung thu. Khen thưởng con CBCNV đạt thành tích cao trong học tập.

### **3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

- Các gói đầu tư năm 2024: Đã hoàn thành công tác đầu tư 09 Gói (Thiết bị kéo căng bulong (Bolt Tensioning); Thiết bị xịt rửa áp lực cao; Trang thiết bị, vật tư phục vụ dịch vụ giàn giáo; Thiết bị kiểm tra motor; Thiết bị phân tích motor; Thiết bị thi công quán phục hồi motor điện công suất trên 200KW; Tư vấn đầu tư Hệ thống Air Diving; Thiết bị Air Diving; Bàn thí nghiệm Motor). Giá trị các hợp đồng các dự án đầu tư cả năm 2024 ước đạt 112,42 tỷ, đạt 56% so với kế hoạch cả năm (175,73 tỷ); giá trị giải ngân ước đạt là 57,45 tỷ, đạt 33% kế hoạch cả năm (175,73 tỷ)..

- Hoàn thành sửa chữa một số hạng mục tại Nhà xưởng và một số hạng mục khác tại Nhà Văn phòng Công ty năm 2024. Chi phí sửa chữa xây dựng là trên 15 tỷ đồng.
- Các công ty con, công ty liên kết: không.

#### 4. Tình hình tài chính

##### a) Tình hình tài chính

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.565.037.585.627	2.198.744.445.430	40,49%
Doanh thu thuần	1.676.603.420.447	2.109.954.735.044	25,85%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	55.632.562.974	101.598.762.548	82,62%
Lợi nhuận khác	13.261.015.395	7.084.775.341	-87,18%
Lợi nhuận trước thuế	68.893.578.369	108.683.537.889	57,76%
Lợi nhuận sau thuế	52.566.503.769	86.643.854.016	64,83%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	7%	10%	42,86%

##### b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,86	1,63	
+ Hệ số thanh toán nhanh	1,85	1,59	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,51	0,64	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,04	1,75	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	27,37	47,33	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,07	0,96	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3,14%	4,11%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	6,84%	10,86%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	3,36%	3,36%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	3,32%	3,94%	

#### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

##### a) Cổ phần:

STT	Loại cổ phần	Số lượng
1	Cổ phần tự do chuyển nhượng	40.000.000
2	Cổ phần hạn chế chuyển nhượng	0
Tổng số cổ phần		40.000.000



b) Cơ cấu cổ đông (tại danh sách chốt ngày 02/12/2024):

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ trọng (%)
1	Cổ đông nhà nước	3.503.900	8,76
2	Cổ đông tổ chức trong nước	33.980.701	84,95
3	Cổ đông cá nhân trong nước	2.414.499	6,04
4	Cổ đông tổ chức nước ngoài	0	0
5	Cổ đông cá nhân nước ngoài	100.900	0,25
<b>Tổng cộng</b>		<b>40.000.000</b>	<b>100</b>

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

e) Các chứng khoán khác: Không có.

## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

- Công ty thường xuyên soát xét các tài liệu quản lý ATSKMTCL phù hợp với hoạt động SXKD thực tế, tiếp tục triển khai và duy trì hiệu quả các hệ thống quản lý của Công ty POS phù hợp với tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 45001:2018, ISO/IEC 17025:2017, ISO 27001:2022; ISM và ISPS, MLC 2006 và tiêu chuẩn ASME cho dấu U, S và R; ISO EN 3834-2.
- Có 01 chỉ tiêu về an toàn, sức khỏe và môi trường trong năm 2024 không đạt do có 01 sự cố thiệt hại tài sản mức độ 4 ( sự cố đứt cáp neo sà lan POS1). Các chỉ tiêu khác về an toàn, sức khỏe và môi trường đều đạt yêu cầu so với mục tiêu của Công ty, Tổng công ty, các đối tác khách hàng và tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành. Kể từ khi thành lập đến hết quý IV/2024, Công ty POS đạt được hơn 39 triệu giờ làm việc an toàn không để xảy ra sự cố mất thời gian làm việc (LTI).
- Điện, nước tiêu thụ tại 02 Xưởng sản xuất của Công ty trong năm 2024: tổng số lượng điện tiêu thụ là 1.456.527 KWh được lấy từ mạng lưới điện chung của khu vực cảng dịch vụ dầu khí PTSC (Tổng công suất biểu kiến là 410 KVA). Tổng lượng nước sử dụng 4.702 m<sup>3</sup>/năm được lấy từ hệ thống nước máy do Công ty cấp nước tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Giám sát chất lượng nước thải tại 02 Xưởng sản xuất của Công ty trong năm 2024 gồm 19 thông số là pH, COD, BOD<sub>5</sub>, chất rắn lơ lửng, tổng N, P, Amoni, Crom III, Crom VI, Fe, Cu, Zn, Ni, As, Cd, Hg, Pb, dầu mỡ, coliform, tần suất giám sát là 2 lần/năm. Kết quả đo các thông số đều nằm trong giới hạn tiêu chuẩn cho phép.

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG**

TT	Yếu tố quan trắc	Tổng số mẫu	Số mẫu đạt	Số mẫu không đạt
	<b>Yếu tố vi khí hậu</b>			
1	Nhiệt độ	34	34	00
2	Độ ẩm	34	34	00
3	Tốc độ gió	34	34	00
	<b>Yếu tố vật lý</b>			
4	Chiếu sáng	36	36	00
5	Tiếng ồn	27	27	00
6	Rung	05	05	00
7	Điện từ trường	17	17	00
	<b>Yếu tố bụi</b>			
8	Bụi toàn phần	26	26	00
	<b>Yếu tố hóa học</b>			
9	CO <sub>2</sub>	10	10	00
10	CO	02	02	00
11	NO <sub>2</sub>	02	02	00
12	SO <sub>2</sub>	02	02	00
13	Toluen	01	01	00
14	Benzen	01	01	00
15	Xylen	01	01	00
	<b>Đánh giá yếu tố Ergonomics</b>			
16	Ergonomics tư thế lao động	17	-	-
17	Ergonomics vị trí lao động	04	-	-

- Giám sát chất lượng môi trường không khí tại 02 Xưởng sản xuất của Công ty trong năm 2024 gồm các thông số tiếng ồn, bụi lơ lửng, bụi kim loại, các khí CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, NH<sub>3</sub>, H<sub>2</sub>S, tần suất đo 02 lần/năm. kết quả như sau:
  - + Kết quả đo tiếng ồn: Các thông số đo tiếng ồn đều nằm trong giới hạn cho phép. Khu vực Xưởng sản xuất: < 85dBA, Ngoài khu vực sản xuất: <70dBA.
  - + Kết quả đo nồng độ bụi: Các thông số đo bụi đều nằm trong giới hạn cho phép. Khu vực xưởng sản xuất: < 4mg/m<sup>3</sup>, ngoài khu vực sản xuất: <0,3mg/m<sup>3</sup>.
  - + Kết quả đo nồng độ bụi kim loại và các khí CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, NH<sub>3</sub>, H<sub>2</sub>S: Tại thời điểm đo, các thông số đều thấp hơn rất nhiều so với tiêu chuẩn cho phép.
- Thực hiện đo môi trường lao động tại văn phòng công ty, khu nhà xưởng POS 01, POS 02 và sà lan POS1 trong năm 2024 như sau: Công ty tổ chức quan trắc môi trường lao động gồm 5 yếu tố: Yếu tố Vi khí hậu; Yếu tố Vật lý; Yếu tố Bụi; Yếu tố Hơi khí độc; Và yếu tố Ergonomics. Với 17 thông số là Nhiệt độ, Độ ẩm, Vận tốc gió, Chiếu sáng, Tiếng ồn chung, Tiếng ồn dải tần, Rung, Điện từ trường, Bụi toàn phần, CO<sub>2</sub>, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, Toluen, Benzen, Ergonomics tư thế lao động, và thông số Ergonomics vị trí lao động. Tần suất đo là 01 lần/năm. Kết quả đo môi trường lao động: Có 253 mẫu quan trắc đều ở mức giới hạn cho phép.
- Thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo Thông tư 32/2023/TT-



BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế và khám phát hiện và quản lý bệnh nghề nghiệp theo Thông tư 28/2016/TT-BYT ngày 30/06/2016 của Bộ Y tế.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cá nhân cho người lao động và cần luôn nhắc nhở công nhân tuân thủ sử dụng bảo hộ lao động.
- Thường xuyên tập huấn phổ biến các quy định pháp luật về công tác An toàn vệ sinh lao động, chăm sóc sức khỏe người lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp.
- Tính đến 31/12/2024, Tổng CBCNV của Công ty bao gồm 643 người, trong đó trình độ trên Đại học là 30 người, Đại học 435 người, Cao đẳng, Trung cấp, Sơ cấp 80 người, Công nhân kỹ thuật là 92 người, Lao động Phổ thông là 06 người.

	Nội dung	Năm 2023	Năm 2024	So với năm 2023
<b>I</b>	<b>Phân theo nguồn quỹ lương</b>			
1	Ban Giám đốc - người quản lý	101,863,000	99,419,000	98%
2	Người lao động chính sách công ty	41,815,000	49,624,000	119%
3	Người lao động chính sách nhà thầu	90,706,000	93,073,000	103%
<b>II</b>	<b>Phân theo nhóm lao động</b>			
1	Ban Giám đốc - người quản lý	101,863,000	99,419,000	98%
2	VP Khối làm DA	43,043,000	54,828,000	127%
3	VP Khối nghiệp vụ (back office: P.HCNS, P.TCKT)	24,943,000	34,413,000	138%
4	Công nhân TT - Xưởng	41,260,000	43,295,000	105%
5	Lao động làm việc trên Sà Lan	52,991,000	72,431,000	137%

- Về chế độ chính sách: Công ty đã thực hiện giải quyết thanh toán chế độ ốm đau, thai sản, nghề nghiệp cho 364 lượt/người; Đã giải quyết các chế độ theo thỏa ước lao động tập thể và Quỹ tương trợ Dầu khí định kỳ 1 Quý/lần cho 81 lượt người trong năm 2024; Tiếp nhận 223 hồ sơ bồi thường của NLD gửi sang Công ty Bảo hiểm PVI và thực hiện nhiều chế độ chính sách khác cho NLD.

– Trong năm 2024, Số lượt người đã đào tạo/ Kế hoạch được phê duyệt: 1323/852 đạt 155% kế hoạch; Số khóa đào tạo đã tổ chức: 55/26 khóa, đạt 211% Kế hoạch; Số lượt người được đào tạo nội bộ bởi chính CBCNV của Công ty là 402 lượt người..

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Một số chỉ tiêu chủ yếu của Công ty đạt được trong năm 2024:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Đạt (%)
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	400,00	400,00	100,00%
+	Vốn điều lệ bình quân năm	Tỷ đồng	400,00	400,00	100,00%
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	2.050,00	2.168,89	105,80%
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	95,00	108,68	114,40%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	76,00	86,64	114,01%
5	Tỷ suất LNST/VĐL	%	19,00%	21,66%	114,01%

## 2. Tình hình tài chính

### a) Tình hình tài sản

So với năm 2023, trong năm 2024 Công ty không có sự biến động nhiều về cơ cấu tài sản cũng như tổng tài sản, việc sử dụng tài sản luôn đạt hiệu quả và năng suất cao. Tổng tài sản năm 2024 tăng so với năm 2023. Nguyên nhân là năm 2024 công ty đầu tư thêm nhiều máy móc, thiết bị hiện đại để phục vụ các dự án nước ngoài dẫn đến tài sản tăng tương ứng.

### b) Tình hình nợ phải trả

Tỷ lệ nợ phải trả/vốn chủ sở hữu năm 2024 không có nhiều biến động so với năm 2023. Khả năng thanh toán ngắn hạn của công ty được đảm bảo với hệ số thanh toán luôn lớn hơn 1. Tại thời điểm cuối năm 2024 tỷ lệ này đạt 1,63.

## 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Công ty đã hoàn thành công tác tái cấu trúc, tinh gọn bộ máy quản lý điều hành và xây dựng nhân sự cốt lõi (Core team). Đề án tái cấu trúc đã mang lại những chuyển biến và tác động tích cực, hiệu quả đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, đặc biệt là sự chuyên môn hóa rõ ràng chức năng nhiệm vụ của các đơn vị chức năng, tăng tính linh hoạt chủ động tối đa trong xử lý công việc cho lãnh đạo cấp trung. Cơ cấu tổ chức của công ty và chức năng nhiệm vụ của các Đơn vị chức năng sau tái cơ cấu phù hợp với định hướng phát triển của Tổng công ty PTSC cũng như đơn vị trong giai đoạn tới.
- Công ty tiếp tục hoàn thiện và ban hành Bảng mô tả công việc các Phòng, hướng dẫn đánh giá năng lực và mức độ công việc hàng tháng phù hợp với cơ cấu tổ chức mới.
- Xây dựng đơn giá lương, quỹ lương hợp lý, đúng pháp luật. Thiết kế thang lương với độ rộng, dân cách phù hợp với tính chất công việc và nghề nghiệp.
- Từng bước đổi mới và áp dụng các phương pháp quản trị nhân sự hiện đại, nâng các năng lực cho cán bộ chuyên môn và nhận thức của người lao động.

## 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Tiếp tục bám sát các chủ trương, chỉ đạo, định hướng của Tập đoàn Dầu khí Quốc Gia Việt Nam và của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam về chiến lược phát triển của ngành dầu khí.

- Công ty POS xác định dịch vụ chính và xuyên suốt trong chiến lược phát triển dài hạn là dịch vụ xây lắp hàng hải, xây lắp công nghiệp và vận hành bảo dưỡng, cung ứng nhân lực.
- Định hướng và xây dựng lộ trình để nâng cao năng lực tự thực hiện của Công ty đối với các dịch vụ sửa chữa hoán cải trọn gói (EPCI Brownfield) cho các công trình dầu khí, công trình công nghiệp thông qua việc tăng cường công tác đào tạo, xây dựng nguồn lực, bổ sung các chứng chỉ thiết kế & chế tạo cần thiết, từng bước đầu tư và trang bị các phần mềm tính toán chuyên dụng, liên kết với các nhà thầu thiết kế trong giai đoạn đầu nếu cần thiết, v.v.. Tiếp tục nghiên cứu đầu tư các phương tiện hàng hải, thiết bị chuyên dụng để phát triển dịch vụ, nâng cao năng lực tự thực hiện.
- Bên cạnh đó, Công ty tích cực tìm kiếm thêm khả năng cung cấp dịch vụ ở các lĩnh vực khác như điện, đạm, xây dựng các công trình phụ trợ cho các công trình dầu khí, dịch vụ xây lắp các công trình năng lượng sạch (điện, điện gió,...). Tăng cường công tác phát triển dịch vụ ra thị trường nước ngoài tại các nước có nhiều tiềm năng Myanmar, Ấn độ, Brunei, Thái Lan, Trung Đông.

**5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:** không có.

**6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường**

- Ban Giám đốc đã điều hành công ty thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ, trách nhiệm đối với công tác môi trường. Công ty không có vi phạm liên quan đến lĩnh vực môi trường.
- Công ty tuân thủ và thực hiện đầy đủ các trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.
- Thực hiện tốt các vấn đề liên quan đến chế độ, chính sách đối với người lao động, chú trọng công tác đào tạo, đặc biệt là đào tạo nội bộ, on-job training. Trong năm 2024, Công ty không ghi nhận trường hợp người lao động khiếu nại, khiếu kiện về công tác chế độ, chính sách.

**IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

**1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

- Năm 2024, HĐQT đánh giá cao sự cố gắng, năng lực và tinh thần trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc đổi mới và khắc phục tốt với những khó khăn trong năm để điều hành Công ty đạt được kết quả khả quan.
- Hoạt động sản xuất kinh doanh được duy trì ổn định, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực, các dự án đầu tư được triển khai đúng tiến độ, chất lượng.
- Chỉ tiêu về lợi nhuận vượt mức kế hoạch đề ra. Các chỉ số tài chính tốt, Vốn chủ sở hữu được bảo toàn và phát triển.
- Đảm bảo thu nhập và đời sống người lao động; xây dựng và đào tạo được đội ngũ cán bộ lãnh đạo và người lao động có trình độ phù hợp, nhiệt huyết tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững trong các năm tiếp theo.
- Duy trì tốt các mối quan hệ với khách hàng, tích cực tìm kiếm mở rộng thị trường (đặc biệt đối với thị trường nước ngoài được xem là khát khe và yêu cầu cao về chất lượng)
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước theo quy định, chính sách điều hành minh bạch có sự phân công, phân cấp rõ ràng trong bộ máy; quan tâm và thực hiện trách nhiệm với cộng đồng.



## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty**

- Ban điều hành đã lãnh đạo, chỉ đạo đúng đắn và quyết liệt triển khai các quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT, bám sát thực tiễn diễn biến thị trường góp phần nâng cao hiệu quả SXKD; chủ động xây dựng và đề xuất các phương án xử lý vấn đề khó khăn, tồn tại của các công việc, dự án thuộc thẩm quyền HĐQT quyết định, góp phần giảm thiểu rủi ro, đảm bảo quyền và lợi ích của Công ty;
- Quản lý, điều hành các mặt hoạt động theo đúng chức trách, nhiệm vụ được giao; có sự phân công, phân cấp rõ ràng và linh hoạt giữa các cấp quản lý;
- Sử dụng hiệu quả và cân đối hợp lý nguồn lực hiện có, quyết liệt cắt giảm chi phí để giảm giá thành đi đôi với duy trì chất lượng sản phẩm dịch vụ ổn định, nâng cao sức cạnh tranh, giữ thị phần và đảm bảo các lợi ích lâu dài của Công ty.
- Tổ chức triển khai tốt việc đưa bộ máy tổ chức mới của Công ty vào hoạt động theo đúng thẩm quyền. Liên tục rà soát các điểm chưa phù hợp của cơ cấu tổ chức mới để tiếp tục cải tiến, điều chỉnh kịp thời đảm bảo cơ cấu tổ chức mới thực sự phát huy được hiệu quả tối đa.
- Phát huy tốt sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nâng cấp hệ thống quản lý, ứng dụng khoa học công nghệ vào trong quản lý, sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh;
- Công tác hạch toán kế toán và quản lý tài chính phù hợp chuẩn mực, minh bạch theo quy định pháp luật; đảm bảo nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn; quyết liệt xử lý nợ xấu, nợ phải thu khó đòi;
- Tích cực phát triển kinh doanh ngoài nước, ngoài ngành để bù đắp sự thiếu hụt công việc nhưng vẫn đảm bảo triển khai an toàn, hiệu quả, chất lượng, đúng tiến độ các dự án trong nước đã được giao thầu với mức độ phức tạp cao, điều kiện triển khai công việc tiềm ẩn nhiều rủi ro;
- Công tác đào tạo, tự đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực triển khai có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng;
- Duy trì mặt bằng tiền lương và chính sách đãi ngộ, khen thưởng hợp lý, nâng kỷ luật, tạo môi trường chuyên nghiệp của người lao động.

## **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

- Cùng với Ban điều hành tổ chức thực hiện thành công các chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 và các nội dung được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt phù hợp chiến lược phát triển của Công ty.
- Thực hiện tốt công tác tài chính, đảm bảo tình hình tài chính, vốn, dòng tiền tốt, ổn định, lành mạnh; sử dụng hiệu quả nguồn vốn, bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.
- Cải tiến hệ thống quản trị: rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định nội bộ phù hợp với quy định pháp luật và tình hình hoạt động SXKD của Công ty.
- Giữ vững và tiếp tục đẩy mạnh các dịch vụ thế mạnh của Công ty. Bên cạnh đó, chỉ đạo các bộ phận liên quan tăng cường công tác phát triển kinh doanh, phát triển thị trường trong và ngoài nước, thị trường ngoài ngành dầu khí; thực hiện tốt công tác hợp tác, phát triển uy tín, thương hiệu;

- Thực hiện đánh giá, giám sát đối với các dự án đầu tư, dự án kinh doanh thuộc thẩm quyền HĐQT quyết định; phê duyệt danh mục kế hoạch đầu tư phù hợp, đảm bảo hoàn thành công tác đầu tư theo các mục tiêu kế hoạch đề ra.
- Đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các Cổ đông, đối xử công bằng giữa các Cổ đông, đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty.
- Triển khai công tác công bố thông tin một cách rộng rãi, đảm bảo các thông tin được công bố phải chính xác, tuân thủ đúng quy định của Pháp luật nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cổ đông và các nhà đầu tư trong quá trình tiếp cận, tìm hiểu thông tin về các hoạt động của Công ty.
- Thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên của HĐQT Công ty phù hợp với chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ và phát sinh thực tế trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

## V. Quản trị công ty

### 1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty*
1.	Nguyễn Tiên Phong	Chủ tịch HĐQT	13.984.700 CP chiếm 34,96% (trong đó đại diện cho chủ sở hữu tại POS: 13.980.700 CP, cá nhân sở hữu: 4.000 CP)
2.	Dương Hùng Văn	Thành viên HĐQT/ Giám đốc	12.000.000 CP chiếm 30% (trong đó đại diện cho chủ sở hữu tại POS: 12.000.000 CP)
3.	Nguyễn Đức Thiện	Thành viên HĐQT	8.000.000 CP chiếm 20% (trong đó đại diện cho chủ sở hữu tại POS: 8.000.000 CP)
4.	Nguyễn Tuấn	Thành viên HĐQT	0
5.	Nguyễn Thế Hoàng	Thành viên HĐQT	3.503.900 CP chiếm 8,76% (trong đó đại diện cho chủ sở hữu tại POS: 3.503.900 CP)

(\*) Số lượng CP được thống kê trên cơ sở Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán thực hiện quyền chi trả cổ tức năm 2023 bằng tiền, ngày ĐKCC 02/12/2024 và các báo cáo giao dịch nhận được từ Người nội bộ, Người có liên quan của Người nội bộ tính đến hết 31/12/2024.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị đã thể hiện tốt vai trò chỉ đạo, giám sát hiệu quả công tác quản trị, tuân thủ pháp luật và Điều lệ hiện hành, thông tin được công khai minh bạch theo đúng chuẩn mực, tạo được lòng tin của các Cổ đông, Người lao động, Cơ quan quản lý nhà nước và khách hàng.
- Trên cơ sở Kế hoạch công tác năm 2024, các nội dung ĐHCĐ giao và kết quả thực tế triển khai, HĐQT đánh giá các hoạt động của HĐQT trong năm 2024 là đúng thẩm

quyền, giám sát, quản lý, hỗ trợ Ban điều hành, có sự phân công, phân cấp phù hợp và hiệu quả, đảm bảo xử lý kịp thời các vấn đề thuộc thẩm quyền.

- Công tác tổ chức các cuộc họp của HĐQT, các đợt lấy ý kiến Thành viên HĐQT bằng văn bản đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật.
- Các quyết định của HĐQT phù hợp thực tế tình hình SXKD và định hướng quan trọng hỗ trợ Ban Giám đốc trong quá trình điều hành; phối hợp tốt và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, đoàn thể hoạt động.
- HĐQT thường xuyên cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành doanh nghiệp.
- Trong năm 2024, HĐQT đã tổ chức 04 cuộc họp trực tiếp và 30 đợt lấy ý kiến, ban hành 15 Quyết định và 27 Nghị quyết liên quan đến các vấn đề sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư, công tác tổ chức nhân sự và các công tác khác thuộc thẩm quyền của HĐQT. Nội dung các cuộc họp cụ thể như sau:
  - + Lần 1: Tổng kết hoạt động SXKD 03 tháng đầu năm và nhiệm vụ kế hoạch 06 tháng cuối năm 2024; Báo cáo tình hình tài chính 03 tháng đầu năm và kế hoạch 06 tháng cuối năm 2024; Một số vấn đề khác thuộc thẩm quyền HĐQT.
  - + Lần 2: Báo cáo sơ kết hoạt động SXKD 07 tháng đầu năm và nhiệm vụ kế hoạch 05 tháng cuối năm 2024; Báo cáo tình hình tài chính 07 tháng đầu năm và kế hoạch 05 tháng cuối năm 2024; Một số vấn đề khác thuộc thẩm quyền HĐQT.
  - + Lần 3: Báo cáo kết quả hoạt động SXKD 10 tháng đầu năm 2024 và nhiệm vụ kế hoạch 02 tháng cuối năm 2024; Báo cáo tình hình tài chính 10 tháng đầu năm 2024 và kế hoạch 02 tháng cuối năm 2024; Tờ trình về việc sửa đổi Quy định về chế độ công tác phí của CBCNV công ty đi công tác trong nước; Một số vấn đề khác thuộc thẩm quyền HĐQT.
  - + Lần 4: Báo cáo tổng kết hoạt động SXKD năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025; Báo cáo tình hình tài chính năm 2024 và xây dựng kế hoạch SXKD năm 2025; Một số vấn đề khác thuộc thẩm quyền HĐQT.

- d) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Các Thành viên HĐQT đã tham gia các chương trình đào tạo về quản trị do UBCKNN và cơ quan liên quan tổ chức đầy đủ và đúng thành phần quy định.

## 2. Ban kiểm soát

- a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty*
1.	Nguyễn Minh Tuấn	Trưởng Ban kiểm soát	0
2.	Trần Thị Minh Hương	Kiểm soát viên	0
3.	Phạm Thu Hiền	Kiểm soát viên	0

(\*) Số lượng CP được thống kê trên cơ sở Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán thực hiện quyền chi trả cổ tức năm 2023 bằng tiền, ngày ĐKCC 22/9/2024



và các báo cáo giao dịch nhận được từ Người nội bộ, Người có liên quan của Người nội bộ tính đến hết 31/12/2024.

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: đánh giá hoạt động của BKS, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của BKS, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

– Đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát:

Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; Căn cứ kế hoạch kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2024 thông qua, Ban Kiểm soát đã triển khai thực hiện các nội dung công việc chủ yếu sau:

+ Giám sát tình hình chấp hành các quy định của Pháp luật, Điều lệ, tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024;

+ Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai công tác sản xuất kinh doanh của công ty;

+ Thẩm định báo cáo Báo cáo tài chính quý/năm, đánh giá hiệu quả hoạt động, khả năng bảo toàn và phát triển vốn;

+ Giám sát việc thực hiện phương án Tái cấu trúc/Kiến toàn cơ cấu tổ chức công ty;

+ Giám sát việc thực hiện các kiến nghị tại Biên bản của các đoàn kiểm tra, kiểm toán đối với doanh nghiệp;

+ Phối hợp với các cơ quan chức năng của nhà nước, các Phòng/ Ban chức năng của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam trong việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý tại đơn vị;

+ Phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc quản lý vốn chủ sở hữu, với mục đích bảo toàn và phát triển vốn;

+ Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty;

+ Rà soát, đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với TV HĐQT, Giám đốc, Người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; Giao dịch giữa công ty trong đó TV HĐQT, Giám đốc, Người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

+ Thực hiện các công tác khác của Ban Kiểm soát theo kế hoạch hoạt động năm 2023. Định kỳ hàng quý, Ban kiểm soát lập báo cáo kiểm tra, giám sát đánh giá Hội đồng quản trị trong việc tuân thủ Điều lệ Công ty; Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; Đánh giá việc chấp hành các quy định của Pháp luật Nhà nước, của Công ty.

+ Từng thành viên Ban Kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ theo đúng thẩm quyền và lĩnh vực được phân công công tác với ý thức trách nhiệm cao, theo nguyên tắc độc lập và cẩn trọng.

– Các cuộc họp của Ban Kiểm soát: Trong năm 2024, Ban Kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp, nội dung các cuộc họp cụ thể như sau:

+ Lần 1 : Xem xét, thẩm định Báo cáo tài chính năm 2023 sau kiểm toán của công ty POS, Báo cáo hoạt động năm 2023 và kế hoạch năm 2024 của HĐQT; Báo cáo sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch năm 2024 của Ban điều hành POS; Thông qua Báo cáo kiểm tra, giám sát năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024 của Ban

kiểm soát POS trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024; Thông qua danh sách đề xuất 03 đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của công ty POS.

- + Lần 2: Thông qua Báo cáo kiểm tra giám sát Quý 01/2024 của Ban Kiểm soát.
- + Lần 3: Thông qua Báo cáo kiểm tra giám sát Quý 02/2024 và 6 tháng đầu năm 2024 của Ban Kiểm soát.
- + Lần 4: Thông qua Báo cáo kiểm tra giám sát Quý 03/2024 và 9 tháng năm 2024 của Ban Kiểm soát.

### **3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát**

- a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: như Phụ lục đính kèm.
- b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có.
- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Trong năm 2024 không có hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ.
- d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty đã thực hiện tốt và đúng theo quy định pháp luật về quản trị công ty.

## **VI. Báo cáo tài chính**

### **1. Ý kiến kiểm toán**

Theo ý kiến của Công ty TNHH PwC Việt Nam, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

- 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:** Chi tiết như Phụ lục đính kèm.

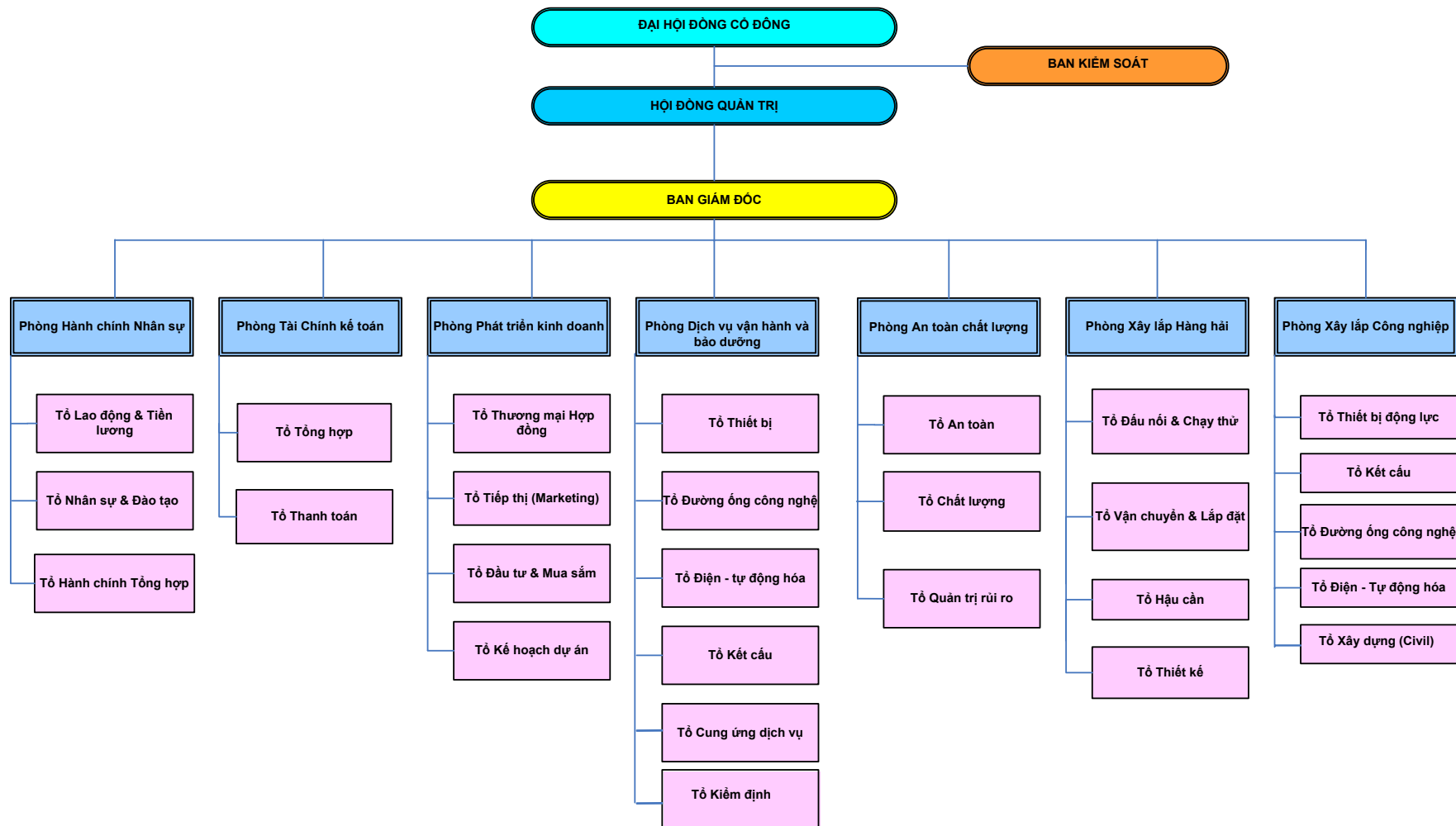
## **XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

**GIÁM ĐỐC**



**VŨ ĐÌNH CAO SƠN**

## SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY PTSC POS



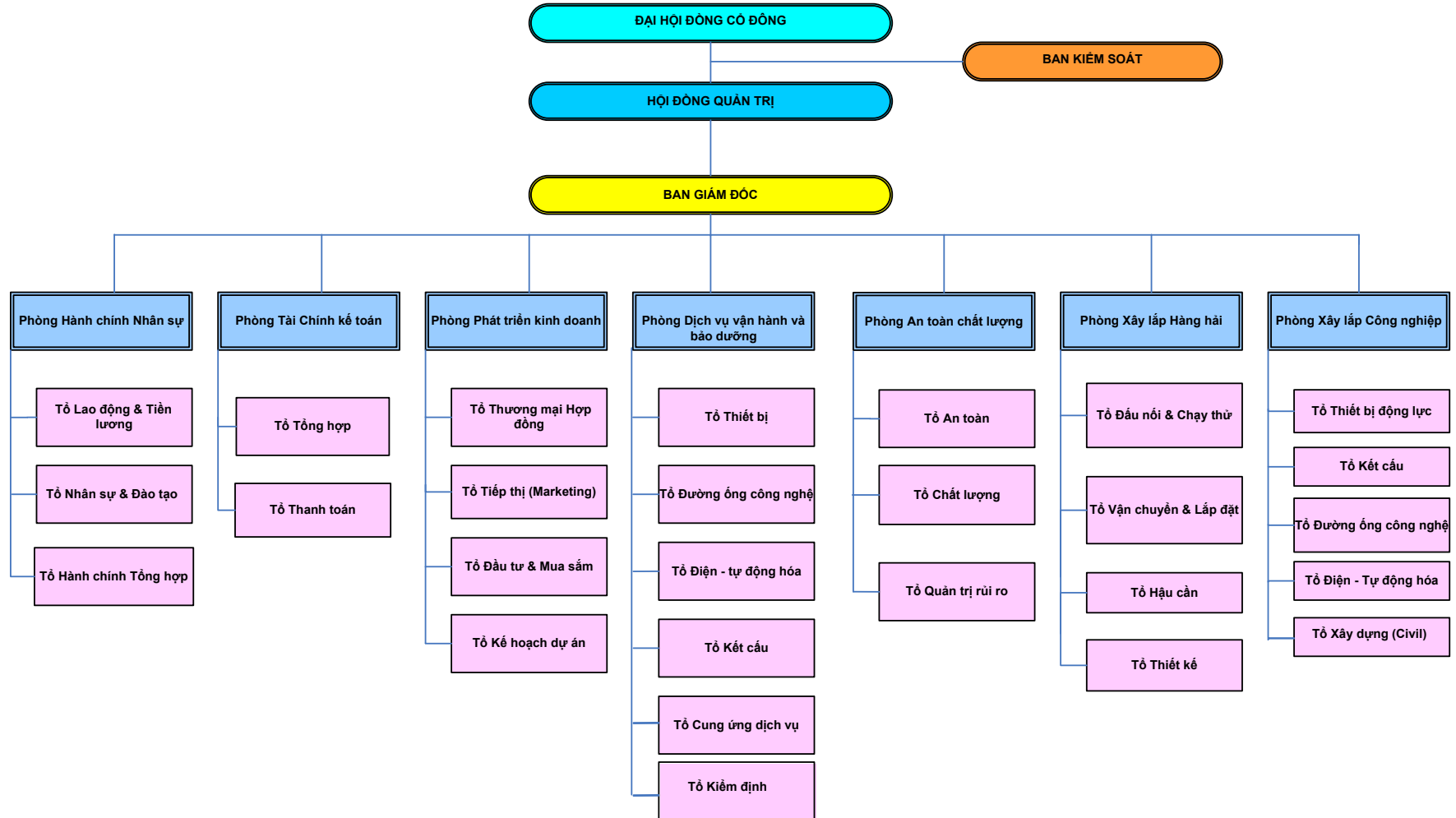
**PHỤ LỤC**  
**Tiền lương, thù lao và các lợi ích khác của từng Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát,**  
**Ban Giám đốc năm 2024**

Đơn vị tính: VNĐ

<b>STT</b>	<b>Họ tên</b>	<b>Chức danh</b>	<b>Tổng thu nhập và các lợi ích khác (trước thuế)</b>
1.	Nguyễn Tiên Phong	Chủ tịch HĐQT	<b>1.292.977.000</b>
2.	Vũ Đình Cao Sơn	Giám đốc (bổ nhiệm từ 01/7/2024)	<b>1.086.646.000</b>
3.	Dương Hùng Văn	TV HĐQT/Giám đốc (thôi giữ chức vụ Giám đốc từ 01/7/2024)	<b>1.146.122.000</b>
4.	Nguyễn Đức Thiện	TV HĐQT	<b>66.000.000</b>
5.	Nguyễn Tuấn	TV HĐQT	<b>66.000.000</b>
6.	Nguyễn Thế Hoàng	TV HĐQT	-
7.	Nguyễn Minh Tuấn	Trưởng BKS	-
8.	Trần Thị Minh Hương	TV BKS	<b>24.000.000</b>
9.	Phạm Thu Hiền	TV BKS	<b>24.000.000</b>
10.	Lê Toàn Thắng	Phó Giám đốc	<b>1.057.738.000</b>
11.	Nguyễn Văn Dương	Phó Giám đốc	<b>1.060.575.000</b>



## SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY PTSC POS



**PHỤ LỤC**  
**Tiền lương, thù lao và các lợi ích khác của từng Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát,**  
**Ban Giám đốc năm 2024**

Đơn vị tính: VNĐ

<b>STT</b>	<b>Họ tên</b>	<b>Chức danh</b>	<b>Tổng thu nhập và các lợi ích khác (trước thuế)</b>
1.	Nguyễn Tiên Phong	Chủ tịch HĐQT	<b>1.292.977.000</b>
2.	Vũ Đình Cao Sơn	Giám đốc (bổ nhiệm từ 01/7/2024)	<b>1.086.646.000</b>
3.	Dương Hùng Văn	TV HĐQT/Giám đốc (thôi giữ chức vụ Giám đốc từ 01/7/2024)	<b>1.146.122.000</b>
4.	Nguyễn Đức Thiện	TV HĐQT	<b>66.000.000</b>
5.	Nguyễn Tuấn	TV HĐQT	<b>66.000.000</b>
6.	Nguyễn Thế Hoàng	TV HĐQT	-
7.	Nguyễn Minh Tuấn	Trưởng BKS	-
8.	Trần Thị Minh Hương	TV BKS	<b>24.000.000</b>
9.	Phạm Thu Hiền	TV BKS	<b>24.000.000</b>
10.	Lê Toàn Thắng	Phó Giám đốc	<b>1.057.738.000</b>
11.	Nguyễn Văn Dương	Phó Giám đốc	<b>1.060.575.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU  
KHÍ BIỂN PTSC**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 – DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 – DN)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 – DN)	9
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 – DN)	10

08  
ĐI  
P  
ÁP  
ĐƠN  
KUK  
PT  
U-T

08  
ĐI  
P  
ÁP  
ĐƠN  
KUK  
PT  
U-T



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

**THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

**Giấy chứng nhận đăng ký  
doanh nghiệp**

Số 3500818790 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 5 tháng 10 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 9 ngày 4 tháng 7 năm 2024.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Tiên Phong	Chủ tịch
Ông Dương Hùng Văn	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Hoàng	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Thiện	Thành viên

**Ban kiểm soát**

Ông Nguyễn Minh Tuấn	Trưởng ban
Bà Trần Thị Minh Hương	Kiểm soát viên
Bà Phạm Thu Hiền	Kiểm soát viên

**Ban Giám đốc**

Ông Vũ Đình Cao Sơn	Giám đốc (từ ngày 1 tháng 7 năm 2024)
Ông Dương Hùng Văn	Giám đốc (đến ngày 30 tháng 6 năm 2024)
Ông Lê Toàn Thắng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Dương	Phó Giám đốc
Ông Lương Văn Lực	Phó Giám đốc (từ ngày 13 tháng 1 năm 2025)

**Người đại diện theo pháp luật**

Ông Vũ Đình Cao Sơn	Giám đốc (từ ngày 4 tháng 7 năm 2024)
Ông Dương Hùng Văn	Giám đốc (đến ngày 3 tháng 7 năm 2024)

**Trụ sở chính**

65A Đường 30/4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu  
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của báo cáo tài chính này. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Phê chuẩn báo cáo tài chính

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 47. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Vũ Đình Cao Sơn  
Giám đốc

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam  
Ngày 7 tháng 3 năm 2025



40  
3  
11  
1

Bh





## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2024 và được Ban Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 7 tháng 3 năm 2025. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 47.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Lương Thị Ánh Tuyết  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
3048-2024-006-1  
Chữ ký được ủy quyền



Nguyễn Duy Thịnh  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
4633-2023-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM16212  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2024 VND	2023 VND
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.977.300.405.927</b>	<b>1.392.465.123.850</b>
<b>110</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>517.431.543.921</b>	<b>272.005.551.650</b>
111	Tiền		377.431.543.921	232.005.551.650
112	Các khoản tương đương tiền		140.000.000.000	40.000.000.000
<b>120</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>718.965.000.000</b>	<b>599.680.000.000</b>
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	718.965.000.000	599.680.000.000
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>695.086.665.158</b>	<b>466.893.802.092</b>
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	580.032.353.509	361.182.839.209
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	18.228.980.420	7.945.991.112
136	Phải thu ngắn hạn khác	7	123.460.070.677	115.878.268.456
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(26.634.739.448)	(18.113.296.685)
<b>140</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>44.475.159.221</b>	<b>40.526.426.277</b>
141	Hàng tồn kho		50.492.125.212	45.202.769.852
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(6.016.965.991)	(4.676.343.575)
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.342.037.627</b>	<b>13.359.343.831</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	10(a)	1.342.037.627	1.453.353.271
152	Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	16(a)	-	11.427.790.696
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16(b)	-	478.199.864

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 47 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

Mẫu số B 01 – DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2024 VND	2023 VND
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>221.444.039.503</b>	<b>172.572.461.777</b>
<b>210</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>2.005.000.000</b>	<b>5.000.000</b>
216	Phải thu dài hạn khác		2.005.000.000	5.000.000
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>152.819.991.561</b>	<b>131.315.933.539</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	11(a)	151.781.387.724	130.308.817.834
222	Nguyên giá		1.067.085.483.678	1.001.539.007.777
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(915.304.095.954)	(871.230.189.943)
227	Tài sản cố định vô hình	11(b)	1.038.603.837	1.007.115.705
228	Nguyên giá		20.146.273.000	19.662.945.000
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(19.107.669.163)	(18.655.829.295)
<b>240</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>1.812.500.000</b>	<b>13.921.523.488</b>
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	1.812.500.000	13.921.523.488
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>64.806.547.942</b>	<b>27.330.004.750</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn	10(b)	27.788.293.288	15.489.339.065
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	13	37.018.254.654	11.840.665.685
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>2.198.744.445.430</b>	<b>1.565.037.585.627</b>

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 47 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2024 VND	2023 VND
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.400.590.988.709</b>	<b>796.247.982.922</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.214.619.966.437</b>	<b>750.527.350.088</b>
311	Phải trả người bán ngắn hạn	14	554.710.741.889	324.310.154.944
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	28.068.890.733	31.054.773.405
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16(c)	41.915.797.452	14.068.537.076
314	Phải trả người lao động		72.561.814.726	53.301.956.997
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	17	282.658.099.680	274.741.485.218
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	18	155.495.794.858	2.091.875.000
319	Phải trả ngắn hạn khác	19	64.517.164.999	37.417.222.771
321	Dự phòng phải trả ngắn hạn	21(a)	6.977.918.017	7.676.198.594
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	7.713.744.083	5.865.146.083
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>185.971.022.272</b>	<b>45.720.632.834</b>
342	Dự phòng phải trả dài hạn	21(b)	185.683.522.272	45.447.332.834
343	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		287.500.000	273.300.000
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>798.153.456.721</b>	<b>768.789.602.705</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>798.153.456.721</b>	<b>768.789.602.705</b>
411	Vốn góp của chủ sở hữu	22, 23	400.000.000.000	400.000.000.000
418	Quỹ đầu tư phát triển	23	308.742.964.235	308.742.964.235
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	23	89.410.492.486	60.046.638.470
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		2.766.638.470	7.480.134.701
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		86.643.854.016	52.566.503.769
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.198.744.445.430</b>	<b>1.565.037.585.627</b>

Đinh Thị Thủy  
Người lập

Hoàng Văn Duy  
Kế toán trưởng



Vũ Đình Cao Sơn  
Giám đốc  
Ngày 7 tháng 3 năm 2025

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 47 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC

Mẫu số B 02 – DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2024 VND	2023 VND
01	Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.109.954.735.044	1.676.603.420.447
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
10	Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	2.109.954.735.044	1.676.603.420.447
11	Giá vốn dịch vụ cung cấp	(2.011.709.363.688)	(1.633.773.559.587)
20	Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	98.245.371.356	42.829.860.860
21	Doanh thu hoạt động tài chính	49.937.066.838	53.680.000.713
22	Chi phí tài chính	(8.155.218.580)	(5.873.084.322)
25	Chi phí bán hàng	(1.274.445.732)	(1.141.705.048)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(37.154.011.334)	(33.862.509.229)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	101.598.762.548	55.632.562.974
31	Thu nhập khác	8.452.016.921	24.338.563.473
32	Chi phí khác	(1.367.241.580)	(11.077.548.078)
40	Lợi nhuận khác	7.084.775.341	13.261.015.395
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	108.683.537.889	68.893.578.369
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	(47.217.272.842)	(19.470.089.590)
52	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	25.177.588.969	3.143.014.990
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	86.643.854.016	52.566.503.769
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.670	882
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.670	882

Đinh Thị Thủy  
Người lập

Hoàng Văn Duy  
Kế toán trưởng



Vũ Đình Cao Sơn  
Giám đốc  
Ngày 7 tháng 3 năm 2025

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 47 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

Mẫu số B 03 – DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
(Theo phương pháp gián tiếp)**

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2024 VND	2023 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	108.683.537.889	68.893.578.369
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	47.424.731.229	30.787.538.762
03	Các khoản dự phòng	149.399.974.040	27.445.601.562
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	494.082.789	825.667.577
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(31.408.129.059)	(36.445.414.465)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	274.594.196.888	91.506.971.805
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	(221.833.776.624)	180.232.631.463
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho	(5.289.355.360)	36.768.179.822
11	Tăng các khoản phải trả	440.614.805.262	72.693.590.292
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước	16.032.029.626	(1.952.953.978)
15	Thuế TNDN đã nộp	(20.642.117.937)	(16.842.225.829)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(16.304.602.000)	(12.875.477.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	467.171.179.855	349.530.716.575
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(90.343.793.604)	(76.668.841.481)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	238.545.453	263.251.636
23	Tiền chi cho các khoản tiền gửi có kỳ hạn	(595.780.000.000)	(744.715.000.000)
24	Tiền thu hồi từ các khoản tiền gửi có kỳ hạn	476.495.000.000	507.510.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi	25.603.792.975	36.003.636.281
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(183.786.455.176)	(277.606.953.564)
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
36	Tiền chi trả cổ tức cho các cổ đông	(39.774.850.000)	(27.898.310.000)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	(39.774.850.000)	(27.898.310.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	243.609.874.679	44.025.453.011
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	3 272.005.551.650	227.665.743.776
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	1.816.117.592	314.354.863
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3 517.431.543.921	272.005.551.650

Đinh Thị Thủy  
Người lập

Hoàng Văn Duy  
Kế toán trưởng



Wũ Đình Cao Sơn  
Giám đốc  
Ngày 7 tháng 3 năm 2025

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 47 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC (“Công ty”) là công ty con của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 253/QĐ-DVKT-HĐQT ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam và theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500818790 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 5 tháng 10 năm 2007, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất ngày 4 tháng 7 năm 2024.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch qua hệ thống giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết UpCoM với mã số cổ phiếu là POS.

**Hoạt động chính trong năm tài chính của Công ty bao gồm:**

- Dịch vụ vận chuyên, lắp đặt, đấu nối chạy thử các công trình dầu khí;
- Dịch vụ di dời và thu dọn mỏ;
- Dịch vụ vận hành và bảo dưỡng cho các công trình dầu khí; và
- Cho thuê lại lao động.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 643 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 595 nhân viên).

**2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

**2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.



## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “Đồng”).

### 2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

### 2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm tài chính. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thu hồi.

### 2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp, chi phí sản xuất chung, chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm tài chính kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.7 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm tài chính.

### 2.8 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

### 2.9 Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu của hợp đồng chỉ được ghi nhận tương đương với các chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận khi các chi phí này đã phát sinh trong năm tài chính.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể ước tính một cách đáng tin cậy và nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong thời hạn của hợp đồng tương ứng là doanh thu và chi phí. Công ty sử dụng phương pháp tỷ lệ phần trăm hoàn thành để xác định khoản doanh thu và chi phí phù hợp để ghi nhận trong năm tài chính. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành được xác định bằng cách tham chiếu đến tỷ lệ khối lượng xây lắp đã hoàn thành và tổng khối lượng xây lắp phải hoàn thành của hợp đồng xây dựng. Nếu tổng chi phí của hợp đồng vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng thì khoản lỗ ước tính được ghi nhận là chi phí.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể ước tính một cách đáng tin cậy và nhà thầu được thanh toán cho khối lượng thực hiện và đã được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành và được khách hàng xác nhận.



## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.10 Tài sản cố định (“TSCĐ”)

#### *TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình*

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

#### *Khấu hao*

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 - 7 năm
Thiết bị quản lý	3 năm
Phần mềm	3 năm

#### *Thanh lý*

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực sau ngày hiệu lực của luật đất đai năm 2003 (tức là ngày 1 tháng 7 năm 2004) hoặc không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được ghi nhận là chi phí trả trước và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

### 2.12 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán.

### 2.13 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính.

### 2.14 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính.



## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.15 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước cho một hay nhiều kỳ kế toán về dịch vụ vận chuyển. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

### 2.16 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty. Quỹ được hình thành trên nhu cầu phát triển và đổi mới công nghệ của Công ty và được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo quy định tại Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKH-CN-BTC ban hành bởi Bộ Tài chính ngày 28 tháng 6 năm 2016. Theo đó, Công ty căn cứ vào nhu cầu sử dụng nguồn vốn cho hoạt động khoa học và công nghệ trích lập tối đa 10% thu nhập tính TNDN trong kỳ để hình thành quỹ.

### 2.17 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

### 2.18 Phân chia lợi nhuận

Phương án phân chia LNST TNDN của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty, bao gồm: chia cổ tức cho các cổ đông và trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Theo Điều lệ của Công ty, cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của kỳ kế toán dựa vào ngày chốt danh sách cổ đông theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị sau khi phương án chi trả cổ tức được thông qua tại Đại Hội đồng Cổ đông.

Công ty trích lập các quỹ sau:

#### (a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để phục vụ mục đích đầu tư phát triển của Công ty.

#### (b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khác được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán. Quỹ được sử dụng để phân phối khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên.

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.19 Ghi nhận doanh thu

#### (a) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### (b) Doanh thu từ hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng bao gồm doanh thu ban đầu được ghi trong hợp đồng xây dựng; các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng; các khoản tiền thưởng; các khoản thanh toán khác mà Công ty thu được từ khách hàng hay một bên khác để bù đắp cho các chi phí không bao gồm trong giá hợp đồng, các khoản thanh toán mà khách hàng sẽ chấp thuận bồi thường, và các thanh toán khoản khác nếu có khả năng làm thay đổi doanh thu, và có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu từ hợp đồng xây dựng được trình bày tại Thuyết minh 2.9.

#### (c) Thu nhập lãi

Tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### 2.20 Giá vốn dịch vụ cung cấp

Giá vốn dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm tài chính, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

### 2.21 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm tài chính chủ yếu bao gồm lỗ tỷ giá hối đoái.

### 2.22 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ.

### 2.23 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.



## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.24 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế TNDN của năm tài chính. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm tài chính, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm tài chính hay một năm tài chính khác.

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương pháp công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

### 2.25 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ và công ty trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 2.26 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc của Công ty xác định rằng rủi ro và tỷ suất sinh lời của doanh nghiệp bị tác động chủ yếu do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do vậy báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty là theo khu vực địa lý.

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.27 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính bao gồm:

- Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ (Thuyết minh 2.10);
- Các khoản dự phòng (Thuyết minh 2.14);
- Ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại (Thuyết minh 2.24); và
- Ghi nhận doanh thu trích trước (Thuyết minh 7).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Giám đốc đánh giá là hợp lý.

## 3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2024 VND	2023 VND
Tiền mặt	154.963.045	147.154.627
Tiền gửi ngân hàng (*)	377.276.580.876	231.858.397.023
Các khoản tương đương tiền (**)	140.000.000.000	40.000.000.000
	<u>517.431.543.921</u>	<u>272.005.551.650</u>

(\*) Tiền mặt và tiền gửi ngân bao gồm khoản ngoại tệ trị giá 11.884.901,77 Đô la Mỹ và 73,06 Euro (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 7.076.633,52 Đô la Mỹ và 1.539.205,17 Euro) (Thuyết minh 25(b)).

(\*\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện giá trị của các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất được hưởng từ 4,3%/năm đến 4,75%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 2,3%/năm).



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

Mẫu số B 09 – DN

**4 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	<b>2024</b> <b>VND</b>	<b>2023</b> <b>VND</b>
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	718.965.000.000	599.680.000.000

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, số dư này bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có thời hạn đáo hạn ban đầu trên 3 tháng đến 12 tháng và hưởng lãi suất từ từ 3,4%/năm đến 5,1%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: từ 3,6%/năm đến 7,5%/năm).

**5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>2024</b> <b>VND</b>	<b>2023</b> <b>VND</b>
Bên thứ ba		
Công Ty TNHH Dịch vụ Ngoài khơi Phía Nam	145.690.488.000	-
Hanwha Ocean Company Limited	77.832.650.481	82.280.188.320
Văn phòng Điều hành Murphy Cuu Long Bac Oil Co., Ltd (Lô 15-1/05)	71.745.478.985	-
Premier Oil Vietnam Offshore B.V	37.762.601.012	3.210.804.613
Công ty TNHH Dầu khí Việt Nhật	27.085.000.280	26.380.819.760
Technip Geoproduction (M) SDN BHD	-	42.547.195.518
Intermoor Pte. Ltd.	-	25.769.308.305
Khác	52.861.486.718	43.376.750.360
Bên liên quan (Thuyết minh 37(b))	167.054.648.033	137.617.772.333
	<u>580.032.353.509</u>	<u>361.182.839.209</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán và được lập dự phòng lần lượt là 33.395.612.002 Đồng và 24.090.672.646 Đồng như đã trình bày tại Thuyết minh 8.

**6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<b>2024</b> <b>VND</b>	<b>2023</b> <b>VND</b>
Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Secons	4.170.000.000	-
Công ty Cổ phần We Construction	3.294.539.820	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí Cao Phương Linh	-	4.906.740.393
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 7	-	1.237.987.712
GWC Energy Services WLL	-	1.222.238.879
Khác	1.383.333.095	579.024.128
Bên liên quan (Thuyết minh 37(b))	9.381.107.505	-
	<u>18.228.980.420</u>	<u>7.945.991.112</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC

Mẫu số B 09 – DN

7 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	2024		2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Doanh thu đã thực hiện nhưng chưa xuất hóa đơn	97.588.240.049	-	89.016.729.265	-
Lãi tiền gửi phải thu	15.479.286.960	-	9.913.496.329	-
Phải thu đến bù từ nhà cung cấp	5.698.145.280	-	10.698.145.280	-
Ký quỹ, ký cược	3.415.267.500	-	5.390.497.500	-
Tạm ứng cho nhân viên	1.130.404.292	-	270.469.018	-
Khác	148.726.596	-	588.931.064	-
	<u>123.460.070.677</u>	<u>-</u>	<u>115.878.268.456</u>	<u>-</u>
Trong đó:				
Bên thứ ba	115.359.251.864	-	104.591.192.112	-
Bên liên quan (Thuyết minh 37(b))	8.100.818.813	-	11.287.076.344	-
	<u>123.460.070.677</u>	<u>-</u>	<u>115.878.268.456</u>	<u>-</u>

Doanh thu trích trước là khoản doanh thu cho phần công việc Công ty đã hoàn thành theo hợp đồng với khách hàng nhưng chưa xuất hóa đơn.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIẾN PTSC

Mẫu số B 09 – DN

8 NỢ KHÓ ĐÒI

Tổng giá trị các khoản phải thu ngắn hạn quá hạn thanh toán được trình bày chi tiết như sau:

	2024		2023	
	Giá trị gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn
<b>Phải thu khách hàng</b>				
Sapura Offshore SDN BHD Taiwan Branch	11.208.132.191	607.965.637	10.600.166.554	Từ 2 năm đến trên 3 năm
Marsol Offshore Construction L.L.C	7.554.500.377	-	7.554.500.377	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	5.698.145.280	2.849.072.640	2.849.072.640	Từ 1 năm đến dưới 2 năm
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	3.184.799.191	697.730.113	2.487.069.078	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa	2.683.374.923	1.230.471.444	1.452.903.479	Từ 2 năm đến trên 3 năm
Công ty TNHH NN MTV - TCT Thăm dò Khai thác Dầu khí Lô 01&02 (Điều Hành Dầu Khí)	2.751.265.440	1.375.632.720	1.375.632.720	Từ 1 năm đến dưới 2 năm
Công ty TNHH Dịch vụ Xây dựng Vận tải Toàn Phú Co.	315.394.600	-	315.394.600	Trên 3 năm
	<u>33.395.612.002</u>	<u>6.760.872.554</u>	<u>26.634.739.448</u>	
<b>Phải thu khách hàng</b>				
Sapura Offshore SDN BHD Taiwan Branch	11.208.132.191	3.767.750.082	7.440.382.109	Từ 1 năm đến 3 năm
Marsol Offshore Construction L.L.C	7.554.500.377	-	7.554.500.377	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	2.487.069.078	942.219.299	1.544.849.779	Từ 1 năm đến 3 năm
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa	2.075.576.398	1.037.788.199	1.037.788.199	Từ 1 năm đến 2 năm
Công ty Cổ phần Năng lượng Hacom Bac Lieu	400.000.002	120.000.001	280.000.001	Từ 2 năm đến 3 năm
Công ty TNHH Dịch vụ Xây dựng Vận tải Toàn Phú Co.	365.394.600	109.618.380	255.776.220	Từ 2 năm đến 3 năm
	<u>24.090.672.645</u>	<u>5.977.375.961</u>	<u>18.113.296.685</u>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

Mẫu số B 09 – DN

**9 HÀNG TỒN KHO**

	2024		2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	7.774.695.539	(1.765.665.010)	8.254.550.836	(1.352.390.682)
Công cụ, dụng cụ	13.804.257.350	(4.251.300.981)	15.788.091.551	(3.323.952.893)
Chi phí SXKD dờ dang (*)	28.913.172.323	-	21.160.127.465	-
	<u>50.492.125.212</u>	<u>(6.016.965.991)</u>	<u>45.202.769.852</u>	<u>(4.676.343.575)</u>

(\*) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang thể hiện các khoản chi phí phát sinh liên quan đến dịch vụ, dự án sau:

	2024 VND	2023 VND
Dự án điện gió CHW2204	23.666.011.208	617.503.246
Dự án PS3 Brownfield Study	2.674.573.396	-
Dự án chế tạo hệ thống neo Turret	2.046.336.652	-
Dự án Ruy A	298.690.986	-
Dự án đóng hũy giếng và tháo dỡ giàn SDA	227.560.081	-
Dự án Subsea 7	-	16.144.347.613
Dự án Mooring spare	-	1.853.868.428
Dự án lắp đặt BBUS	-	1.765.139.707
Dự án Gallaf 3 phrase A2	-	779.268.471
	<u>28.913.172.323</u>	<u>21.160.127.465</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

Mẫu số B 09 – DN

**10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

**(a) Ngắn hạn**

	<b>2024 VND</b>	<b>2023 VND</b>
Chi phí bảo hiểm	<u>1.342.037.627</u>	<u>1.453.353.271</u>

**(b) Dài hạn**

	<b>2024 VND</b>	<b>2023 VND</b>
Chi phí xây dựng, sửa chữa bảo dưỡng nhà xưởng tạm POS2	17.627.628.358	-
Công cụ dụng cụ, thiết bị xuất dùng	10.001.301.069	12.519.103.283
Phụ tùng thay thế dài hạn	131.398.565	2.922.215.698
Khác	27.965.296	48.020.084
	<u>27.788.293.288</u>	<u>15.489.339.065</u>

Biến động về chi phí trả trước trong năm như sau:

	<b>2024 VND</b>	<b>2023 VND</b>
Số dư đầu năm	16.942.692.336	14.989.738.358
Tăng	8.412.776.563	18.738.035.993
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản mới hoàn thành (Thuyết minh 12)	28.219.668.205	-
Phân bổ trong năm	(24.444.806.189)	(10.788.791.065)
Giảm	-	(5.996.290.950)
Số dư cuối năm	<u>29.130.330.915</u>	<u>16.942.692.336</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC

Mẫu số B 09 – DN

11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (“TSCĐ”)

(a) TSCĐ hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Khác VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	49.559.832.756	203.195.769.961	661.401.231.907	23.735.129.190	63.647.043.963	1.001.539.007.777
Mua trong năm	-	27.404.441.288	-	2.481.362.000	158.312.527	30.044.115.815
Xây dựng cơ bản mới hoàn thành (Thuyết minh 12)	-	38.401.345.436	-	-	-	38.401.345.436
Thanh lý, nhượng bán	-	(635.700.550)	(1.537.670.000)	(725.614.800)	-	(2.898.985.350)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	49.559.832.756	268.365.856.135	659.863.561.907	25.490.876.390	63.805.356.490	1.067.085.483.678
<b>Khấu hao lũy kế</b>						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	42.527.655.731	144.828.909.502	654.294.936.151	22.261.163.673	7.317.524.886	871.230.189.943
Khấu hao trong năm	587.197.173	27.440.914.175	1.910.753.364	1.092.582.061	15.941.444.588	46.972.891.361
Thanh lý, nhượng bán	-	(635.700.550)	(1.537.670.000)	(725.614.800)	-	(2.898.985.350)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	43.114.852.904	171.634.123.127	654.668.019.515	22.628.130.934	23.258.969.474	915.304.095.954
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	7.032.177.025	58.366.860.459	7.106.295.756	1.473.965.517	56.329.519.077	130.308.817.834
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	6.444.979.852	96.731.733.008	5.195.542.392	2.862.745.456	40.546.387.016	151.781.387.724

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 809.251.601.503 Đồng và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 799.566.763.857 Đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

Mẫu số B 09 – DN

**11 TSCĐ (tiếp theo)**

**(b) TSCĐ vô hình**

**Phần mềm máy tính  
VND**

**Nguyên giá**

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024

19.662.945.000

Mua trong năm

483.328.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

20.146.273.000

**Khấu hao lũy kế**

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024

18.655.829.295

Khấu hao trong năm

451.839.868

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

19.107.669.163

**Giá trị còn lại**

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024

1.007.115.705

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

1.038.603.837

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 18.624.745.000 Đồng và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 18.230.685.000 Đồng.

**12 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<b>2024 VND</b>	<b>2023 VND</b>
Nhà xưởng tạm POS2	-	12.109.023.488
Phần mềm quản lý nhân sự và tiền lương	1.812.500.000	1.812.500.000
	<u>1.812.500.000</u>	<u>13.921.523.488</u>

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	<b>2024 VND</b>	<b>2023 VND</b>
Số dư đầu năm	13.921.523.488	1.812.500.000
Mua sắm	54.511.990.153	12.109.023.488
Chuyển sang tài sản cố định (Thuyết minh 11(a))	(38.401.345.436)	-
Chuyển sang chi phí trả trước (Thuyết minh 10(b))	(28.219.668.205)	-
Số dư cuối năm	<u>1.812.500.000</u>	<u>13.921.523.488</u>

**13 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI**

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải trả và khi thuế TNDN hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế và cùng một đơn vị chịu thuế. Chi tiết như sau:

	<b>2024</b> <b>VND</b>	<b>2023</b> <b>VND</b>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi sau 12 tháng	23.263.443.850	9.637.170.194
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi trong vòng 12 tháng	13.754.810.804	2.203.495.491
	<u>37.018.254.654</u>	<u>11.840.665.685</u>

Biến động về thuế TNDN hoãn lại, được bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế, trong năm tài chính như sau:

	<b>2024</b> <b>VND</b>	<b>2023</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	11.840.665.685	8.697.650.695
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Thuyết minh 33)	25.177.588.969	3.143.014.990
Số dư cuối năm	<u>37.018.254.654</u>	<u>11.840.665.685</u>

Thuế TNDN hoãn lại chủ yếu phát sinh từ chênh lệch tạm thời của các khoản mục sau:

	<b>2024</b> <b>VND</b>	<b>2023</b> <b>VND</b>
Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác	34.382.843.589	9.911.390.609
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.510.900.076	1.510.900.076
Khác	1.124.510.989	418.375.000
	<u>37.018.254.654</u>	<u>11.840.665.685</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC

Mẫu số B 09 – DN

14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2024		2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên thứ ba				
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Hải Thiên Nam	141.820.912.507	141.820.912.507	54.717.656.406	54.717.656.406
Shelf Subsea Solution Pte. Ltd.	51.540.036.890	51.540.036.890	36.314.474.641	36.314.474.641
Công ty TNHH Cung ứng Nhân lực và DV Kỹ thuật Hiệp Phát	51.011.375.510	51.011.375.510	11.089.948.270	11.089.948.270
Posh Projects Pte. Ltd.	32.519.704.620	32.519.704.620	-	-
Khác	240.501.457.478	240.501.457.478	198.679.406.405	198.679.406.405
Bên liên quan (Thuyết minh 37(b))	37.317.254.884	37.317.254.884	23.508.669.222	23.508.669.222
	<u>554.710.741.889</u>	<u>554.710.741.889</u>	<u>324.310.154.944</u>	<u>324.310.154.944</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có khoản phải trả người bán ngắn hạn nào trọng yếu bị quá hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

Mẫu số B 09 – DN

**15 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	2024 VND	2023 VND
Bên thứ ba		
Công ty TNHH Hóa dầu Long Sơn	4.298.607.750	1.836.613.730
Sembcorp Marine Offshore Platforms Pte. Ltd.	339.950.014	339.950.014
Hyundai Heavy Industries Company Limited	-	2.415.000.000
Bên liên quan (Thuyết minh 37(b))	23.430.332.969	26.463.209.661
	<u>28.068.890.733</u>	<u>31.054.773.405</u>

**16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	2024 VND	2023 VND
<b>(a) Thuế được khấu trừ</b>		
Thuế GTGT	-	11.427.790.696
<b>(b) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>		
Thuế GTGT nộp thừa	-	478.199.864
<b>(c) Thuế và các khoản phải trả Nhà nước</b>		
Thuế TNDN	35.079.596.752	8.504.441.847
Thuế thu nhập cá nhân	3.616.149.176	5.519.198.025
Thuế GTGT	3.147.988.242	-
Thuế nhà thầu	72.063.282	44.897.204
	<u>41.915.797.452</u>	<u>14.068.537.076</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẬP ĐẠT VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC

Mẫu số B 09 – DN

16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

Biến động về thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà Nước

	Tại ngày 1.1.2024 VND	Số phải thu/ phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Cán trừ VND	Tại ngày 31.12.2024 VND
<b>(a) Được khấu trừ</b>					
Thuế GTGT được khấu trừ	11.427.790.696	71.250.591.746	-	(82.678.382.442)	-
<b>(b) Phải thu</b>					
Thuế GTGT nộp thừa	478.199.864	-	-	(478.199.864)	-
<b>(c) Phải nộp</b>					
Thuế nhà thầu	44.897.204	1.982.259.088	(1.955.093.010)	-	72.063.282
Thuế thu nhập cá nhân	5.519.198.025	50.456.567.076	(52.359.615.925)	-	3.616.149.176
Thuế GTGT đầu ra	-	92.909.704.424	(6.605.133.876)	(83.156.582.306)	3.147.988.242
Thuế TNDN	8.504.441.847	47.217.272.842	(20.642.117.937)	-	35.079.596.752
	14.068.537.076	192.565.803.430	(81.561.960.748)	(83.156.582.306)	41.915.797.452

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

Mẫu số B 09 – DN

**17 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<b>2024</b> <b>VND</b>	<b>2023</b> <b>VND</b>
Chi phí dự án đang thực hiện	279.453.327.060	273.678.301.622
Khác	3.204.772.620	1.063.183.596
	<u>282.658.099.680</u>	<u>274.741.485.218</u>

**18 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

Số dư thể hiện khoản tiền công ty đã được thanh toán từ khách hàng tương ứng với phần dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, tháo dỡ công trình biển chưa thực hiện.

**19 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>2024</b> <b>VND</b>	<b>2023</b> <b>VND</b>
Lương phải trả	49.589.197.460	29.990.609.922
Thuế thu nhập cá nhân phải nộp	8.467.144.429	3.720.180.829
Kinh phí công đoàn	2.030.993.144	1.297.414.492
Cổ tức phải trả	1.613.102.500	1.387.952.500
Khác	2.816.727.466	1.021.065.028
	<u>64.517.164.999</u>	<u>37.417.222.771</u>

**20 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

Biến động về quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2024</b> <b>VND</b>	<b>2023</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	5.865.146.083	5.690.023.083
Tăng trong năm	17.280.000.000	12.250.000.000
Chi trả trong năm	(15.431.402.000)	(12.074.877.000)
Số dư cuối năm	<u>7.713.744.083</u>	<u>5.865.146.083</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

Mẫu số B 09 – DN

**21 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

**(a) Ngắn hạn**

	<b>2024</b> <b>VND</b>	<b>2023</b> <b>VND</b>
Dự án tháo tách FPSO MV19	4.069.629.000	-
Dự án phao calm Đại Hùng	2.908.289.017	-
Dự án IST Inlet và Outlet	-	1.371.102.074
Dự án HUC Sao Vàng Đại Nguyệt	-	6.305.096.520
	<u>6.977.918.017</u>	<u>7.676.198.594</u>

**(b) Dài hạn**

	<b>2024</b> <b>VND</b>	<b>2023</b> <b>VND</b>
Sửa chữa lớn sà lan	83.359.772.357	25.733.582.218
Dự phòng bảo hành dự án (*)	102.323.749.915	19.713.750.616
	<u>185.683.522.272</u>	<u>45.447.332.834</u>

(\*) Số dư dự phòng phải trả ngắn hạn và dài hạn thể hiện dự phòng bảo hành dự án được thực hiện cho nghĩa vụ bảo hành theo các điều khoản và các điều kiện nêu trong hợp đồng. Thời gian bảo hành còn lại là từ mười hai đến hai mươi tư tháng kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận nghiệm thu. Dự phòng bảo hành được ước tính từ 1% đến 5% dựa trên tổng doanh thu tích lũy của từng dự án. Chi tiết như sau:

	<b>2024</b> <b>VND</b>	<b>2023</b> <b>VND</b>
Dự án HUC Gallaf 3 phrase A2	36.825.117.909	3.608.862.986
Dự án HUC Gallaf 3 phrase A1	25.141.184.998	5.028.237.000
Dự án HUC Gallaf 3 phrase B2	16.053.272.930	-
Dự án Long Sơn	10.258.202.280	9.897.553.380
Dự án Lạc Đà Vàng	5.941.932.447	-
Dự án Đại Hùng 3	3.307.498.183	-
Dự án Hải Long	2.143.397.927	465.401.177
Dự án CHW2204	1.732.535.026	-
Dự án Barossa Surf	908.984.551	713.696.073
Dự án CRPO 125-126	11.623.664	-
	<u>102.323.749.915</u>	<u>19.713.750.616</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

Mẫu số B 09 – DN

**22 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

**(a) Số lượng cổ phiếu**

	<b>2024</b> Cổ phiếu	<b>2023</b> Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã đăng ký, đã phát hành và đang lưu hành	<u>40.000.000</u>	<u>40.000.000</u>

**(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>2024</u>		<u>2023</u>	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	33.980.700	84,95%	33.980.700	84,95%
Ngân hàng TNHH Một thành viên Việt Nam Hiện Đại	3.503.900	8,76%	3.503.900	8,76%
Khác	2.515.400	6,29%	2.515.400	6,29%
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	<u>40.000.000</u>	<u>100,00%</u>	<u>40.000.000</u>	<u>100,00%</u>

**(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần**

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	<u>40.000.000</u>	<u>400.000.000.000</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	<u>40.000.000</u>	<u>400.000.000.000</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	<u>40.000.000</u>	<u>400.000.000.000</u>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu.

Công ty không có cổ phiếu ưu đãi.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC

Mẫu số B 09 – DN

23 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	400.000.000.000	308.742.964.235	47.730.134.701	756.473.098.936
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	52.566.503.769	52.566.503.769
Chia cổ tức (*)	-	-	(28.000.000.000)	(28.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (**)	-	-	(12.250.000.000)	(12.250.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	400.000.000.000	308.742.964.235	60.046.638.470	768.789.602.705
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	86.643.854.016	86.643.854.016
Chia cổ tức (***)	-	-	(40.000.000.000)	(40.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (****)	-	-	(17.280.000.000)	(17.280.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	400.000.000.000	308.742.964.235	89.410.492.486	798.153.456.721

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 21/NQ-POS-HĐQT ngày 31 tháng 8 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua việc phân phối LNST của năm 2022 để trả cổ tức cho cổ đông. Tỷ lệ trả cổ tức là 7% trên mệnh giá.

(\*\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 07/NQ-POS-DHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua việc phân phối LNST của năm 2022 để trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng ban quản lý điều hành với số tiền lần lượt là 11.750.000.000 Đồng và 500.000.000 Đồng.

(\*\*\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 25/NQ-POS-HĐQT ngày 6 tháng 11 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua việc phân phối LNST của năm 2023 để trả cổ tức cho cổ đông. Tỷ lệ trả cổ tức là 10% trên mệnh giá.

(\*\*\*\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 17/NQ-POS-DHĐCĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua việc phân phối LNST của năm 2023 để trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng ban quản lý điều hành với số tiền lần lượt là 16.540.000.000 Đồng và 740.000.000 Đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

**Mẫu số B 09 – DN**

**24 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

**(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm tài chính. Chi tiết như sau:

	<b>Năm tài chính kết thúc ngày</b>	
	<b>31.12.2024</b>	<b>31.12.2023</b> (**)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	86.643.854.016	52.566.503.769
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(19.860.000.000)	(17.280.000.000)
	<u>66.783.854.016</u>	<u>35.286.503.769</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	40.000.000	40.000.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>1.670</u>	<u>882</u>

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 17/NQ-POS-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua việc phân phối LNST của năm 2023 để trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và đồng thời phê duyệt kế hoạch trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024.

(\*\*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2023 đã được tính lại để điều chỉnh cho các chi phí khen thưởng và phúc lợi như sau:

	<b>Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2023</b>		
	<b>Số liệu báo cáo trước đây</b>	<b>Điều chỉnh</b>	<b>Số liệu trình bày lại</b>
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	52.566.503.769	-	52.566.503.769
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(8.670.000.000)	(8.610.000.000)	(17.280.000.000)
	<u>43.896.503.769</u>	<u>-</u>	<u>35.286.503.769</u>
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	40.000.000	-	40.000.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>1.097</u>	<u>-</u>	<u>882</u>

**(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính. Vì vậy, lãi suy giảm trên cổ phiếu cũng bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

**Mẫu số B 09 – DN**

**25 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**(a) Vật tư giữ hộ**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đang nắm giữ vật tư cho mục đích gia công:

<b>Loại</b>	<b>Tình trạng</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>2024</b>	<b>2023</b>
Thép	Sử dụng bình thường	tám	4.850	17.869
Thép	Sử dụng bình thường	tấn	-	939,124
			<u>                    </u>	<u>                    </u>

**(b) Ngoại tệ các loại**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 11.884.901,77 Đô la Mỹ và 73,06 Euro và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 7.077.148,52 Đô la Mỹ và 1.539.205,17 Euro (Thuyết minh 3).





**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

Mẫu số B 09 – DN

**26 DOANH THU THUẦN VỀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2024 VND	2023 VND
<b>Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ</b>		
Dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, tháo dỡ công trình biển - Tự thực hiện (*)	1.626.353.518.094	1.121.003.904.049
Dịch vụ lao động theo chính sách nhà thầu	244.927.207.081	226.988.469.419
Dịch vụ cơ khí sửa chữa, bảo dưỡng - Tự thực hiện	179.909.143.797	211.266.845.662
Dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, tháo dỡ công trình biển - Thuê nhà thầu (*)	31.478.696.611	91.068.811.648
Dịch vụ quản lý vận hàng, bảo dưỡng - Thuê nhà thầu	20.627.120.461	21.784.257.783
Dịch vụ cung ứng lao động	6.659.049.000	4.491.131.886
	<u>2.109.954.735.044</u>	<u>1.676.603.420.447</u>

(\*) Trong đó:

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng lớn trong năm (Thuyết minh 2.9)	1.053.900.481.986	812.053.482.932
Doanh thu lũy kế từ hợp đồng xây dựng lớn trong năm (Thuyết minh 2.9)	<u>2.953.905.936.265</u>	<u>1.900.005.454.279</u>

**27 GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	2024 VND	2023 VND
Giá vốn vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, tháo dỡ công trình biển - Tự thực hiện	1.552.721.892.970	1.045.085.343.721
Giá vốn dịch vụ lao động theo chính sách nhà thầu	237.785.109.637	218.506.837.650
Giá vốn dịch vụ cơ khí sửa chữa, bảo dưỡng - Tự thực hiện	171.053.998.716	206.149.800.541
Giá vốn vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, tháo dỡ công trình biển - Thuê nhà thầu	23.212.932.601	138.080.655.878
Giá vốn dịch vụ quản lý vận hàng, bảo dưỡng - Thuê nhà thầu	20.477.302.362	21.561.741.823
Giá vốn dịch vụ cung ứng lao động	6.458.127.402	4.389.179.974
	<u>2.011.709.363.688</u>	<u>1.633.773.559.587</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

Mẫu số B 09 – DN

**28 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>2024 VND</b>	<b>2023 VND</b>
Lãi tiền gửi	31.169.583.606	36.177.562.829
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	18.767.483.232	17.502.437.884
	<u>49.937.066.838</u>	<u>53.680.000.713</u>

**29 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>2024 VND</b>	<b>2023 VND</b>
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	7.661.135.791	5.047.416.745
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	494.082.789	825.667.577
	<u>8.155.218.580</u>	<u>5.873.084.322</u>

**30 CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	<b>2024 VND</b>	<b>2023 VND</b>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.274.445.732	1.111.127.828
Khác	-	30.577.220
	<u>1.274.445.732</u>	<u>1.141.705.048</u>

**31 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>2024 VND</b>	<b>2023 VND</b>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.408.351.278	10.485.126.162
Chi phí nhân viên	10.014.520.926	9.043.805.800
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	8.521.442.763	1.482.114.796
Chi phí khấu hao tài sản	1.358.873.408	1.355.055.923
Chi phí nguyên vật liệu	1.239.954.396	801.577.123
Chi phí kiểm toán	430.000.000	350.000.000
Điều chỉnh giám khoản phải thu khác	-	9.596.758.299
Khác	180.868.563	748.071.126
	<u>37.154.011.334</u>	<u>33.862.509.229</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

Mẫu số B 09 – DN

**32 THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	2024 VND	2023 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Hoàn nhập dự phòng bảo hành dự án	7.676.198.594	13.596.839.312
Lãi thuần do thanh lý, nhượng bán TSCĐ	238.545.453	267.851.636
Nhận bồi thường di dời nhà xưởng	-	9.905.690.074
Khác	537.272.874	568.182.451
	<u>8.452.016.921</u>	<u>24.338.563.473</u>
<b>Chi phí khác</b>		
Chi phí di dời nhà xưởng	215.040.063	9.906.047.893
Lỗ thuần do thanh lý hàng tồn kho	550.713.033	-
Tiền phạt	232.701.494	691.121.690
Khác	368.786.990	480.378.495
	<u>1.367.241.580</u>	<u>11.077.548.078</u>

**33 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)**

Số thuế TNDN trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	108.683.537.889	68.893.578.369
Thuế tính ở thuế suất 20%	21.736.707.577	13.778.715.674
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	302.976.296	2.548.358.926
Chi phí thuế TNDN (*)	<u>22.039.683.873</u>	<u>16.327.074.600</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế TNDN - hiện hành	47.217.272.842	19.470.089.590
Thuế TNDN - hoãn lại (Thuyết minh 13)	(25.177.588.969)	(3.143.014.990)
	<u>22.039.683.873</u>	<u>16.327.074.600</u>

(\*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

**Mẫu số B 09 – DN**

**34 CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

Chi phí kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm từ hoạt động kinh doanh của Công ty, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	<b>2024</b>	<b>2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.291.265.053.741	1.013.071.049.305
Chi phí nhân viên	530.040.589.028	439.102.781.362
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	166.106.031.121	165.268.938.877
Chi phí khấu hao TSCĐ	47.424.731.229	30.787.538.762
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	8.521.442.763	1.482.114.796
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.340.622.416	4.676.343.575
Điều chỉnh giảm khoản phải thu khác	-	9.596.758.299
Khác	5.439.350.456	4.792.248.888
	<u>2.050.137.820.754</u>	<u>1.668.777.773.864</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

**Mẫu số B 09 – DN**

**35 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

**(a) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Trong năm, Công ty cung cấp dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, tháo dỡ công trình biển, quản lý lao động theo chính sách nhà thầu, quản lý vận hành và bảo dưỡng, cung ứng lao động, cơ khí sửa chữa, bảo dưỡng. Chi tiết doanh thu và giá vốn cho các dịch vụ của Công ty được trình bày tại Thuyết minh 25 và 26.

**(b) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Trong năm, Công ty có hoạt động bên ngoài phạm vi lãnh thổ Việt Nam, chi tiết như sau:

	<b>Năm tài chính kết thúc ngày</b>	
	<b>31.12.2024</b>	<b>31.12.2023</b>
<b>Doanh thu cung cấp dịch vụ</b>		
Trong nước	1.142.795.819.748	454.519.700.772
Ngoài nước	967.158.915.296	1.222.083.719.675
	<u>2.109.954.735.044</u>	<u>1.676.603.420.447</u>
<b>Giá vốn cung cấp dịch vụ</b>		
Trong nước	1.319.082.037.318	702.139.736.865
Ngoài nước	692.627.326.370	931.633.822.722
	<u>2.011.709.363.688</u>	<u>1.633.773.559.587</u>
	<b>Tại ngày</b>	
	<b>31.12.2024</b>	<b>31.12.2023</b>
<b>Tổng tài sản</b>		
Trong nước	1.653.289.717.248	1.068.291.368.410
Ngoài nước	545.454.728.182	496.746.217.217
	<u>2.198.744.445.430</u>	<u>1.565.037.585.627</u>
<b>Tổng nợ phải trả</b>		
Trong nước	1.252.569.327.736	678.247.791.557
Ngoài nước	148.021.660.973	118.000.191.365
	<u>1.400.590.988.709</u>	<u>796.247.982.922</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC

Mẫu số B 09 – DN

36 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (“BCLCTT”)

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến BCLCTT

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2024 VND	2023 VND
Mua TSCĐ và xây dựng cơ bản dở dang chưa thanh toán	24.765.728.255	28.257.587.891
Lãi tiền gửi chưa nhận	15.479.286.960	9.913.496.329



**37 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Công ty được kiểm soát bởi Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (“Công ty mẹ”) với tỷ lệ là 84,95%, Công ty mẹ cao nhất là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Trong năm, Công ty có các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (“PTSC”)	Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban QLDA Nhiệt điện Long Phú (“PTSC Long Phú”)	Công ty thành viên thuộc tập đoàn
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí (“PTSC Marine”)	Công ty thành viên thuộc tập đoàn
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí (“PTSC Supply Base”)	Công ty thành viên thuộc tập đoàn
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí PTSC Đà Nẵng (“PTSC Đà Nẵng”)	Công ty thành viên thuộc tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC (“PTSC Quảng Ngãi”)	Công ty thành viên thuộc tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa (“PTSC Thanh Hóa”)	Công ty thành viên thuộc tập đoàn
Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC (“PTSC Hotel”)	Công ty thành viên thuộc tập đoàn
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hàng hải PTSC (“PTSC M&C”)	Công ty thành viên thuộc tập đoàn
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (“PV Shipyard”)	Công ty thành viên thuộc tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình (“PVSB”)	Công ty thành viên thuộc tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai Thác Dầu khí PTSC (“PPS”)	Công ty thành viên thuộc tập đoàn
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (“PVN”)	Công ty thành viên thuộc tập đoàn
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (“Petrosetco”)	Công ty thành viên thuộc tập đoàn
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (“PVC MS”)	Công ty thành viên thuộc tập đoàn
Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD (“PVD Training”)	Công ty thành viên thuộc tập đoàn
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (“PVEP”)	Công ty thành viên thuộc tập đoàn
Công ty Bảo hiểm PVI Phía Nam (“PVI Phía Nam”)	Công ty thành viên thuộc tập đoàn
Tập đoàn dầu khí Việt Nam - Nhà điều hành lô 01&02 (“PVN – Lô 01&02”)	Công ty thành viên thuộc tập đoàn
Công ty Cổ phần Dầu khí Vũng Tàu (“PV Oil VT”)	Công ty thành viên thuộc tập đoàn
Công ty Cổ phần Ống thép Dầu khí Việt Nam (“PV PIPE”)	Công ty thành viên thuộc tập đoàn
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông (“BIEN DONG POC”)	Công ty thành viên thuộc tập đoàn
Công ty Dịch vụ Khí (“PV Gas Services”)	Công ty thành viên thuộc tập đoàn
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí (“PVMTC”)	Công ty thành viên thuộc tập đoàn
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông (“BIENDONG POC”)	Công ty thành viên thuộc tập đoàn
Công ty Cổ phần Giám định Năng lượng Việt Nam (“EIC”)	Công ty thành viên thuộc tập đoàn
Liên doanh Việt - Nga VietsoPetro (“VietsoPetro”)	Công ty thành viên thuộc tập đoàn
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển PVD (“PVD Offshore”)	Công ty thành viên thuộc tập đoàn



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

Mẫu số B 09 – DN

**37 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**(a) Giao dịch với các bên liên quan**

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm tài chính gồm:

	<b>2024</b>	<b>2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ</b>		
<b>Các thành viên thuộc PTSC</b>		
PTSC	189.760.965.841	37.930.392.059
PTSC M&C	48.091.519.497	-
PTSC Supply Base	10.684.023.860	-
PTSC Marine	1.722.775.736	38.934.900
PTSC Thanh Hóa	451.053.040	777.656.000
PTSC Quảng Ngãi	192.002.910	-
<b>Các thành viên thuộc PVN</b>		
PVEP	154.439.776.091	78.086.676.892
PVN	11.503.328.666	-
PVI Phía Nam	461.542.256	-
PV Gas Service	6.018.518.519	-
BIENDONG POC	-	1.479.086.100
	<u>423.325.506.416</u>	<u>118.312.745.951</u>
<b>(ii) Mua hàng hóa và dịch vụ</b>		
<b>Các thành viên thuộc PTSC</b>		
PTSC Supply Base	16.935.715.488	13.610.724.104
PTSC G&S	16.480.034.500	-
PTSC Marine	15.385.715.136	-
PTSC Hotel	9.852.455.878	10.095.707.627
PTSC M&C	80.220.000	150.060.000
PTSC	58.293.320	188.732.111
PV Shipyard	4.285.116.762	5.916.367.324
PTSC Quảng Ngãi	-	1.500.000.000
PTSC PPS	-	757.966.000
PVSB	-	387.339.260
PTSC Long Phu	-	64.125.000
<b>Các thành viên thuộc PVN</b>		
Petrosetco	24.734.741.721	4.492.296.629
PVOil VT	10.627.267.669	-
PVD Training	4.775.379.301	9.891.814.000
PVI Phía Nam	7.087.975.000	4.056.133.356
PVC MS	1.365.019.800	19.998.358.384
PVN	688.935.784	2.049.709.107
PVMTC	656.540.000	748.370.892
Vietsovpetro	3.043.443.000	1.923.051.000
	<u>116.056.853.359</u>	<u>75.830.754.794</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC

Mẫu số B 09 – DN

37 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2024 VND	2023 VND
<b>(iii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt</b>		
<b>Hội đồng Quản trị</b>		
Nguyễn Tiên Phong	1.292.977.000	1.380.147.000
Nguyễn Tuấn	66.000.000	85.000.000
Nguyễn Đức Thiện	66.000.000	69.000.000
Dương Hùng Văn (đến ngày 30 tháng 6 năm 2024)		
Nguyễn Thế Hoàng	-	49.000.000
	<u>1.424.977.000</u>	<u>1.583.147.000</u>
<b>Ban Giám đốc</b>		
Dương Hùng Văn (đến ngày 30 tháng 6 năm 2024)	1.146.122.000	1.439.221.000
Vũ Đình Cao Sơn	1.086.646.000	1.319.814.000
Nguyễn Văn Dương	1.060.575.000	1.204.096.000
Lê Toàn Thắng	1.057.738.000	1.143.389.000
	<u>4.351.081.000</u>	<u>5.106.520.000</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

Mẫu số B 09 – DN

**37 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan**

	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
<b>i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)</b>		
<b>Các thành viên thuộc PTSC</b>		
PTSC	97.617.298.711	87.423.672.265
PTSC M&C	27.492.389.946	-
PTSC Supply Base	11.562.191.849	-
PTSC Quảng Ngãi	3.184.799.191	2.977.436.048
PTSC Thanh Hóa	2.683.374.923	2.683.374.923
PTSC Long Phú	467.197.119	467.197.119
<b>Các thành viên thuộc PVN</b>		
PVEP	17.783.305.441	44.066.091.978
PVN - Lô 01&02	6.264.090.853	-
	<u>167.054.648.033</u>	<u>137.617.772.333</u>
<b>ii) Trả trước cho người bán (Thuyết minh 6)</b>		
<b>Các thành viên thuộc PTSC</b>		
PVPIPE	<u>9.381.107.505</u>	<u>-</u>
<b>iii) Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 7)</b>		
<b>Các thành viên thuộc PTSC</b>		
PV Shipyard	5.698.145.280	10.815.602.789
PTSC Thanh Hóa	487.137.283	-
<b>Các thành viên thuộc PVN</b>		
PVEP	1.915.536.250	-
PVI Phía Nam	-	471.473.555
	<u>8.100.818.813</u>	<u>11.287.076.344</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

Mẫu số B 09 – DN

**37 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**(b) Số dư cuối năm tài chính với các bên liên quan (tiếp theo)**

	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
<b>iv) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 14)</b>		
<b>Các thành viên thuộc PTSC</b>		
PTSC G&S	17.798.437.260	-
PTSC Supply Base	8.389.199.094	8.520.109.529
PV Shipyard	4.457.012.643	-
PTSC Long Phú	2.161.376.607	2.161.376.607
PTSC Hotel	1.130.510.422	5.814.629.505
PTSC Đà Nẵng	43.085.000	43.085.000
PTSC	-	174.738.972
<b>Các thành viên thuộc PVN</b>		
Petrosetco	1.378.875.387	1.453.971.036
PV Oil	850.320.551	-
PVD Training	402.320.000	2.480.523.000
Vietsovetco	307.213.000	729.400.343
PVC MS	245.104.920	2.070.405.230
PVMTC	153.800.000	18.630.000
EIC	-	41.800.000
	<u>37.317.254.884</u>	<u>23.508.669.222</u>
<b>v) Người mua trả tiền trước (Thuyết minh 15)</b>		
<b>Các thành viên thuộc PTSC</b>		
PTSC	12.333.903.307	15.366.779.999
PTSC Long Phú	11.096.429.662	11.096.429.662
	<u>23.430.332.969</u>	<u>26.463.209.661</u>





**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

Mẫu số B 09 – DN

**38 CAM KẾT**

**(a) Cam kết thuê hoạt động**

Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	2024 VND	2023 VND
Dưới 1 năm	9.662.141.820	6.384.580.620
Từ 1 đến 5 năm	10.824.000.000	17.076.580.620
Trên 5 năm	4.284.500.000	7.705.500.000
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	<u>24.770.641.820</u>	<u>31.166.661.240</u>

**(b) Cam kết vốn**

Các cam kết về chi tiêu tạo lập TSCĐ đã ký hợp đồng tại ngày kết thúc năm tài chính nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	2024 VND	2023 VND
Nhà xưởng tạm POS2	-	1.864.668.207
Phần mềm	455.500.000	455.500.000
	<u>455.500.000</u>	<u>2.320.168.207</u>

Báo cáo tài chính đã được Ban Giám đốc phê duyệt ngày 7 tháng 3 năm 2025.



Đinh Thị Thủy  
Người lập



Hoàng Văn Duy  
Kế toán trưởng



Vũ Đình Cao Sơn  
Giám đốc

